SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI; Thời gian ký: 10/03/2023 10:16:10 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 131 /KH-UBND	*Lào Cai, ngày 09 tháng 3 năm 2023*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG);

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc quy trình giám sát, đánh giá thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 19/4/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách địa phương tỉnh Lào Cai năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 3389/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 tỉnh Lào Cai;

Để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2023 được hiệu quả, thiết thực; đồng thời huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân tham gia thực hiện, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2023, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2022

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình

Năm 2022, với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy; sự chủ động, tích cực, đồng hành, phối hợp chặt chẽ của HĐND tỉnh và các cơ quan trong hệ thống chính trị; chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, các cấp, các ngành, các địa phương; sự ủng hộ, tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp nên việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN đã đạt những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực; năm 2022 đạt ***25/29 chỉ tiêu kế hoạch*** đề ra. Trong đó có nhiều chỉ tiêu vượt kế hoạch đề ra như: Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo chuẩn đa chiều giảm 7%, vượt 1 điểm % so với KH;Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường (bao gồm THPT; giáo dục thường xuyên; học nghề) đạt 68,8%, vượt 5,8 điểm % so với KH; Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,7%, vượt 2,7 điểm % so với KH; Tỷ lệ phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự giúp đỡ của cán bộ y tế đỡ đạt 89,8%, vượt 2,8 điểm % so với KH,….

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn 4/29 chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra bao gồm:

- Số hộ được sắp xếp, ổn định dân cư ước thực hiện 88 hộ, đạt 29,1% KH đề ra. Do các Thông tư hướng dẫn thực hiện chưa quy định rõ nội dung hỗ trợ, hồ sơ chứng từ thanh quyết toán vốn nên chưa có cơ sở giải ngân vốn theo Kế hoạch vốn giao. Nhiều xã, thôn chưa hoàn thiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất(đất ở, đất sản xuất) để sắp xếp dân cư.

- Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình đạt 97,2% và Tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe đài phát thanh đạt 99%, chưa đạt mục tiêu đề ra (100%), do còn một số thôn trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN chưa có điện lưới[1].

- Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng chưa đạt mục tiêu đề ra (100%) do sau sáp nhập địa giới hành chính nên còn một số thôn chưa có nhà sinh hoạt cộng đồng.

---

[1]Đến tháng 12/2022, toàn tỉnh hiện còn 05 thôn bản chưa phủ điện lưới, cụ thể: Thôn Sàng Ma Sáo - Xã Sàng Ma Sáo, thôn Bản Giàng - Xã Pa Cheo (huyện Bát Xát); thôn Lếch Mông và thôn Bản Toòng - Xã Thanh Bình, thôn Sín Chải - Xã Trung Chải (Thị xã Sa Pa).

2. Kết quả thực hiện kế hoạch vốn năm 2022

2.1. Kế hoạch giao: Tổng vốn huy động để thực hiện Chương trình năm 2022 là 810.612 triệu đồng, trong đó:

- Vốn trung ương: 564.021 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 382.187 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 181.834 triệu đồng);

- Vốn ngân sách tỉnh đối ứng: 74.222 triệu đồng;

- Vốn ngân sách huyện: 2.374 triệu đồng;

- Vốn tín dụng: 126.250 triệu đồng;

- Vốn huy động cộng đồng: 43.745 triệu đồng.

2.2. Kết quả thực hiện, giải ngân vốn NSNN

Đến thời điểm 31/01/2023, kế hoạch vốn năm 2022 toàn tỉnh đã giải ngân 571.621/766.876 triệu đồng, đạt 74,54% KH, trong đó:

- Vốn đầu tư: Nguồn NSTW đã giải ngân 370.507/382.187 triệu đồng, đạt 96,94% KH Trung ương giao; Vốn đối ứng ngân sách địa phương giải ngân 75.443/76.596 triệu đồng, đạt 98,5% KH, (ngân sách tỉnh 73.069/74.222 triệu đồng, đạt 98,45%; ngân sách cấp huyện: 2.374/2.374 triệu đồng đạt 100% KH);

- Vốn sự nghiệp: Nguồn NSTW giải ngân được 76.083/181.834 triệu đồng, đạt 41,84% kế hoạch; số vốn còn lại sẽ chuyển nguồn sang năm 2023 thực hiện theo Nghị quyết số 69/2022/QH15 của Quốc hội;

- Vốn vay Ngân hàng chính sách xã hội: Đã giải ngân được 49.588/126.250 triệu đồng, đạt 39,27%KH (Trong đó: Vay theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện Dự án 3 đã giải ngân cho vay tín dụng được 44.588/121.250 triệu đồng đạt 36,77% KH; Vay theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh để phát triển du lịch cộng đồng để thực hiện Dự án 6 là 5.000/5.000 triệu đồng đạt 100% KH giao).

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả nổi bật đã đạt được: Năm 2022 với sự quyết tâm, lãnh đạo chỉ đạo quyết liệt, sáng tạo, linh hoạt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; cấp ủy, chính quyền các cấp trong triển khai thực hiện các Chương trình MTQG, tỉnh Lào Cai đã đạt được những kết quả nhất định, như: Ban hành kịp thời các Chỉ thị, Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; chủ động thành lập Ban Chỉ đạo chung các Chương trình MTQG và ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, với tinh thần bám sát chỉ đạo của Trung ương vừa thực hiện vừa điều chỉnh bổ sung đúng chỉ đạo của trung ương; xây dựng ban hành các cơ chế chính sách để triển khai thực hiện các chương trình MTQG như: HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết về: Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; giao kế hoạch vốn triển khai thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và năm 2022; quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên

địa bàn tỉnh Lào Cai triển khai theo quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; sớm giao kế hoạch vốn thực hiện chương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện; thường xuyên chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn các nội dung, dự án năm 2022. Mặc dù là năm đầu triển khai thực hiện Chương trình gặp nhiều khó khăn, nhưng Lào Cai đã phấn đấu giải ngân đạt tỷ lệ khá cao, cụ thể: vốn đầu tư giải ngân đến thời điểm báo cáo đạt 97% kế hoạch vốn trung ương giao; Nguồn vốn sự nghiệp giải ngân đạt 41,84% kế hoạch vốn trung ương giao.

Có ***25/29 chỉ tiêu thực hiện Chương trình đạt và vượt kế hoạch đã đề ra***. Cá biệt có một số mục tiêu vượt cao so với kế hoạch như: Mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 là 7%, vượt 1 điểm % so kế hoạch trung ương giao; 04 xã ra khỏi vùng ĐBKK, vượt 04 xã so với KH; Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường (bao gồm THPT; giáo dục thường xuyên; học nghề) đạt 68,8%, vượt 5,8 điểm % so với KH; Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,7%, vượt 2,7 điểm % so với KH; Tỷ lệ phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự giúp đỡ của cán bộ y tế đỡ đạt 89,8%, vượt 2,8 điểm % so với KH.

3.2. Khó khăn, vướng mắc

- Nguồn vốn sự nghiệp chưa được thông báo mức vốn cả giai đoạn 2021-2025. Do vậy, địa phương gặp khó khăn trong việc xây dựng các danh mục nội dung dự án sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện chương trình, nhất là việc lựa chọn, xác định quy mô các dự án về hỗ trợ phát triển sản xuất thực chuỗi liên kết cần thực hiện từ 2-3 năm. Bên cạnh đó, thực hiện các dự án theo chuỗi giá trị cần rất nhiều điều kiện như: đối tượng hỗ trợ, quy mô dự án, chủ liên kết (có địa phương không lựa chọn được chủ liên kết) nên rất khó khăn trong triển khai thực hiện, đến hết tháng 12/2022 cơ bản các dự án mới đang lập, thẩm định, phê duyệt dự án, chưa thực hiện giải ngân.

- Bộ Tài chính khi quyết định giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi vừa phân bổ cho từng dự án, vừa phân bổ theo từng lĩnh vực chi; dẫn đến địa phương thiếu chủ động trong tổ chức thực hiện Chương trình, thực tế nhiều lĩnh vực không thực hiện được vì chưa có hướng dẫn, nhưng nhiều lĩnh vực có khả năng chi, nhưng không có nguồn để chi.

- Kinh phí thực hiện các chương trình MTQG được ngân sách trung ương cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh, ngân sách tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để tăng cường tính phân cấp, trao quyền cho cấp huyện chủ động triển khai thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 27, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên, Điều 21, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định Hội đồng thẩm định cấp tỉnh phải thẩm định các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị dẫn đến làm giảm tính chủ động của cấp huyện, làm tăng thời gian phê duyệt dự án, tăng thủ tục hành chính của tỉnh.

- Một số nội dung chưa có quy định về mức chi, cụ thể: Mức hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất thuộc Dự án 1; mức hỗ trợ dân cư xen ghép thuộc Dự án 2; Một số văn bản, Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành còn chưa đồng bộ, thống nhất… Khó khăn trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ giải ngân nguồn vốn năm 2022.

- Chưa có quy định cho phép địa phương ứng trước nguồn ngân sách địa phương hoặc nguồn vốn trung ương chương trình khác sang thực hiện trước các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia đang có nhu cầu giải ngân, sau đó sẽ hoàn ứng khi trung ương bố trí kế hoạch vốn của Chương trình MTQG. Giải pháp như trên đảm bảo tính linh hoạt, hiệu quả trong điều hành, để đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng và giải ngân, sớm đưa công trình vào sử dụng, trong khi vẫn đảm bảo nguyên tắc tổng nguồn vốn Trung ương bố trí cho Chương trình MTQG vẫn không thay đổi.

II. KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Mục tiêu

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo chuẩn đa chiều 6%.

- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 100%; 78% phòng học được xây dựng kiên cố; 97,6% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 97% hộ dân người DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình đạt 97,7%, được nghe đài phát thanh đạt 99,4%.

- Thực hiện ổn định sắp xếp dân cư nơi cần thiết cho trên 590 hộ.

- Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 4 tuổi và 5 tuổi đến trường đạt 99,5%; học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 99,6%; học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường đạt 99,4%; học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông (bao gồm THPT; giáo dục thường xuyên; học nghề) đạt 74%; Tỷ lệ người từ 15 đến 60 tuổi đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 94%.

- Tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế đạt 94%. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 4 lần/3 thời kỳ đạt 58,7%. Tỷ lệ phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự giúp đỡ của cán bộ y tế đỡ đạt 90%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi) còn 27,06%; Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi) còn 14,98%.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu đạt 52,8%, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, xoá bỏ dần các phong tục tập quán lạc hậu; 97% thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng; 70% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương; 42% cán bộ, công chức, viên chức thuộc Đối tượng 4 được bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc.

(Chi tiết có phụ lục số I kèm theo)

2. Nội dung, nhiệm vụ các dự án thành phần của chương trình

2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở: Tiếp tục rà soát để tổ chức thực hiện hỗ trợ cho các hộ thuộc đối tượng Chương trình và ưu tiên địa bàn một số huyện nghèo phù hợp Kế hoạch đầu tư theo Chương trình cả giai đoạn 2021- 2025 đã được UBND tỉnh giao.

- Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở: Hỗ trợ các hộ DTTS nghèo vùng DTTS và miền núi chưa có nhà và nhà ở dột nát (trừ 4 huyện nghèo được đầu tư hỗ trợ bằng nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững).

- Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề

+ Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Đẩy mạnh công rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tạo quỹ đất sản xuất để hỗ trợ cho các hộ chưa có đất sản xuất.

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho hộ chưa có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức nhưng địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ trực tiếp, thì được chuyển đổi nghề và được vay vốn từ ngân hàng CSXH theo quy định tại mục 2 điều 23 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ;

- Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Hỗ trợ cho các hộ DTTS nghèo vùng DTTS và miền núi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Tiếp tục thực hiện hoàn thành các công trình CNSH tập trung đã khởi công năm 2022 để sớm đưa vào sử dụng; khởi công mới một số công trình CNSH tập trung trong kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã giao.

2.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

- Dự án sắp xếp dân cư tập trung: Triển khai thực hiện 03 dự án dân cư tập trung tại huyện Văn Bàn, Bát Xát, quy mô 190 hộ.

- Dự án sắp xếp dân cư xen ghép: Tăng cường công tác rà soát, tạo quỹ đất bố trí dân cư xen ghép, hoàn thiện thủ tục hồ sơ các dự án để thực hiện hỗ trợ cho số hộ đã giao năm 2022 chưa thực hiện và 405 hộ thuộc kế hoạch năm 2023.

2.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

2.3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: Thực hiện hỗ trợ bảo vệ 55.932 ha rừng.

2.3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, sinh kế cộng đồng: Hỗ trợ triển khai thực hiện 28 dự án phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; 05 dự án sinh kế cộng đồng.

- Nội dung 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

(1) Quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu thị xã Sa Pa giai đoạn 2022 – 2025 và định hướng đến năm 2030, cụ thể:

+ Quy hoạch chi tiết vùng trồng, các loại dược liệu trồng: Quy hoạch vùng trồng dược liệu trọng điểm có độ cao từ 800m trở lên trên tất cả các loại đất trong địa bàn thị xã; quy hoạch các loại cây dược liệu trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng.

+ Quy hoạch vùng khai thác tận thu: Bao gồm đánh giá chất lượng, trữ lượng dược liệu và đưa ra kế hoạch tận thu hàng năm ở rừng tự nhiên, khu bảo tồn.

(2)Xây dựng 02 vườn giống và 01 nhà nuôi cấy mô đủ năng lực sản xuất các loại giống dược liệu trọng tâm của Sa Pa.

(3) Thực hiện phát triển trồng cây dược liệu trên địa bàn thị xã Sa Pa thành vùng dược liệu trọng điểm của tỉnh Lào Cai với quy mô đến năm 2025 sản xuất với diện tích 360ha và đến định hướng đến năm 2030 sản xuất với diện tích trên 400 ha.

(4) Trồng thí điểm thay thế 20 ha cây Thảo quả bằng cây dược liệu phù hợp nhằm loại bỏ Thảo quả và tăng cường tái sinh rừng tự nhiên, nâng cao độ che phủ và tàn che, đa dạng loài ở Vườn Quốc gia Hoàng Liên.

(5) Hình thành ít nhất 5 doanh nghiệp, HTX sản xuất và sơ chế dược liệu; nâng cấp mở rộng xưởng chế biến dược liệu ứng công nghệ chế biến cao, xưởng sơ chế đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GACP - WHO phục vụ sản xuất thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và xuất khẩu nguyên liệu.

(6) Hoàn thiện việc xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý các loài cây dược liệu và sản phẩm dược liệu của Sa Pa - Lào Cai trong nước và Quốc tế; xây dựng một điểm giới thiệu và quảng bá thương hiệu sản phẩm dược liệu Sa Pa tại trung tâm thị xã để phục vụ cho việc tạo đầu mối giới thiệu sản phẩm, trung chuyển, giao lưu, buôn bán, trao đổi giống và các sản phẩm dược liệu.

(7) Hình thành ngành nghề mới về trồng, chăm sóc, chế biến dược liệu tạo việc làm cho 300 - 400 hộ gia đình với khoảng 1200 - 1500 lao động, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần góp phần xóa đói giảm nghèo trên địa bàn thị xã nhanh và bền vững.

- Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Tổ chức tuần lễ quảng bá thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm sản phẩm, các phiên chợ văn hóa, hội chợ giới thiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư vùng DTTS

và miền núi; Tập huấn phát triển nguồn nhân lực thương mại, xuất bản "Cuốn tài liệu XTTM tỉnh Lào Cai"…

+ Hỗ trợ triển khai một số mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh vùng các xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn theo các quy định của Chương trình, phù hợp mức kinh phí ngân sách bố trí năm 2022 (chưa thực hiện) và kế hoạch kinh phí bố trí năm 2023.

2.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Tập trung đẩy nhanh thi công 295 công trình chuyển tiếp năm 2022 sang thực hiện năm 2023 (*15 CT đường đến TT xã/128,1km; 242 CT GTNT/420,17km; 23 CT trường học; 03 CT cầu, ngầm; 02 CT điện; 01 CT nghĩa trang; 01 CT bãi rác; 01 CT khu thể thao; 06 CT NVH; 01 CT thủy lợi)*, hoàn thành khối lượng, sớm bàn giao đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả vốn đầu tư; thực hiện thanh quyết toán theo quy định;

- Bố trí khởi công mới năm 2023 một số công trình theo Kế hoạch cả giai đoạn thực hiện Chương trình, phù hợp khả năng cân đối vốn đầu tư, tránh tình trạng nợ đọng khối lượng xây dựng;

- Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn vùng các xã, thôn đặc biệt khó khăn, đảm bảo các công trình sau đầu tư được duy tu, bảo dưỡng theo quy định.

2.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

2.5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tập trung đẩy nhanh thi công 44 công trình trường PTDT Nội trú, Bán trú chuyển tiếp năm 2022 sang thực hiện năm 2023; hoàn thiện các thủ tục hồ sơ chuẩn bị đầu tư các công trình khởi công mới năm 2023.

- Thực hiện mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường PTDT Nội trú, Bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú *(ưu tiên đầu tư trang thiết bị dạy học phục vụ công tác chuyển đổi số như: Ti vi, máy tính, hệ thống mạng... cho lớp 4, lớp 8, lớp 11)*.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng dạy và học đối với trường PTDT Nội trú, Bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú.

2.5.2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: Tổ chức 37 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho khoảng 2.300 người là đối tượng 3 (cán bộ, công chức viên chức lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương); đối tượng 4: là công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, theo dõi về công tác dân tộc; Bí thư chi bộ, trưởng thôn, tổ dân phố trực tiếp tiếp xúc, làm việc với đồng bào dân tộc thiểu số;

- Tổ chức 3 lớp dạy tiếng dân tộc Mông và tiếng dân tộc Tày cho 120 người tham gia;

- Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: Hỗ trợ học bổng; chi phí học tập; học phí cho học sinh được UBND tỉnh cử đi học cử tuyển tại các trường Đại học theo quy định.

2.5.3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, xây dựng chương trình giáo trình, đào tạo đội ngũ nhà giáo, chuyển đổi số,... trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

- Tổ chức các Hội nghị tuyên truyền, đối thoại, tư vấn, hướng nghiệp giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức đào tạo mới, bồi dưỡng lại cho 11.500 người. Trong đó trình độ cao đẳng, trung cấp: 4.500 người; sơ cấp và dưới 3 tháng: 7.000 người.

- Tổ chức 100 phiên giao dịch, thu hút trên 200 doanh nghiệp tham gia tuyển dụng, khoảng 20.000 lượt lao động tham gia nghe tuyên truyền, tư vấn việc làm.

2.5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Thực hiện nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp trực tiếp tham mưu thực hiện chương trình, trong đó ưu tiên tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ công chức cấp xã về các lĩnh vực như; năng lực làm chủ đầu tư, thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù; công tác lập kế hoạch, đối với cộng đồng người dân: ưu tiên những thôn sẽ trực tiếp thực hiện những nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần…Tổ chức các đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các địa phương trong và ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình các cấp;

Tổng số lượt học viên tham gia các lớp tập huấn dự kiến khoảng hơn 11.000 lượt người; tổ chức khoảng 21 đoàn/hơn 900 lượt người đi học tập kinh nghiệm tại một số địa phương trong và ngoài tỉnh, trong đó: Cấp tỉnh dự kiến thực hiện: 46 lớp tập huấn/4.904 lượt người, trong đó: tập huấn cho công chức cấp huyện, xã 14 lớp/1.064 người; cho cộng đồng người dân 32 lớp/3.840 người; tổ chức 03 đoàn/70 người đi học tập kinh nghiệm tổ chức thực hiện Chương trình tại một số tỉnh.

2.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

2.6.1. Nội dung 2: Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số: Bao gồm các nội dung: Kiểm kê di sản văn hóa truyền thống trên địa bàn các xã có dân tộc Mông và dân tộc Xa Phó sinh sống; Sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của dân tộc Mông và dân tộc Xa Phó; Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho cộng đồng về kiểm kê di sản văn hóa truyền thống và về sưu tầm, tư liệu hóa (cấp tỉnh thực hiện)

2.6.2. Nội dung 3: Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương, khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch: Thực hiện bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số tại các huyện/thị xã/thành phố (Cấp huyện thực hiện)

2.6.3. Nội dung 4: Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng, truyền dạy những người kế cận: Hỗ trợ các nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận (Cấp huyện thực hiện)

2.6.4. Nội dung 5: Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể gồm: Tập huấn hướng dẫn triển khai các hoạt động "Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch" cho công chức, viên chức của Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, công chức văn hóa xã hội cấp huyện; công chức cấp xã; cán bộ không chuyên trách tại các xã thực hiện các nội dung của dự án; Tập huấn bồi dưỡng kỹ năng phục vụ khách du lịch cho cộng đồng (cấp tỉnh thực hiện)

2.6.5 Nội dung 8: Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư: Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tiêu biểu của các dân tộc thiểu số (cấp huyện thực hiện)

2.6.6. Nội dung 9: Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống: Thực hiện Hỗ trợ các đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số (cấp huyện thực hiện)

2.6.7. Nội dung 10: Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu: Hỗ trợ xây dựng 03 điểm đến du lịch tiêu biểu (cấp tỉnh thực hiện)

2.6.8. Nội dung 11: Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số: Xuất bản cuốn sách "Ẩm thực các dân tộc tỉnh Lào Cai": Nghiên cứu, khảo sát, sưu tầm, phân loại, tư liệu hóa, lập danh mục ẩm thực các dân tộc tỉnh Lào Cai, xây dựng đề cương cuốn sách "Ẩm thực các dân tộc Lào Cai" (cấp tỉnh thực hiện)

2.6.9. Nội dung 14: Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gồm: Tổ chức các đoàn báo chí, doanh nghiệp khảo sát, giới thiệu quảng bá điểm đến du lịch cộng đồng (vùng đồng bào dân tộc thiểu số); Tổ chức các chương trình tọa đàm, hội thảo nghiên cứu xây dựng sản phẩm du lịch (gắn với vùng đồng bào dân tộc thiểu số); Xây dựng Clip quảng bá xúc tiến du lịch các địa phương: Bắc Hà, Bát Xát, Sa Pa, Bảo Yên, thành phố Lào Cai (cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện)

2.6.10. Nội dung 15 và nội dung 19: Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của dân tộc thiểu số; hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch, gồm: Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống gắn với xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái văn hóa dân tộc Hà Nhì thôn Choản Thèn, xã Y tý, Bát Xát; Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa

truyền thống gắn với xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái văn hóa dân tộc Tày thôn Nậm Cằm, xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên; Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống gắn với xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái văn hóa dân tộc Mông tại thôn Ý Lình Hồ 2 , xã Hoàng Liên, thị xã Sa Pa; Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống gắn với xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái văn hóa dân tộc Mông thôn Bản Phố 2, xã Bản Phố, huyện Bắc Hà (cấp huyện thực hiện)

2.6.11. Nội dung 16: Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Xây dựng 15 tủ sách tại 15 xã/thị trấn thuộc khu vực III trên địa bàn 8 huyện/thị xã (cấp tỉnh thực hiện)

2.6.12. Nội dung 17: Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số: Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia nhà Hoàng A Tưởng (cấp tỉnh thực hiện)

2.6.13. Nội dung 18: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hỗ trợ trang thiết bị cho 63 nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai (cấp tỉnh thực hiện).

2.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện đầu tư 01 công trình Trung tâm Y tế, huyện Si Ma Cai;

- Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn (tuyến huyện): Tổ chức truyền thông tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn cho thanh niên/vị thành niên và lập hồ sơ quản lý tại trạm y tế xã, phường thị trấn: Cung cấp thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về cấm tảo hôn, không kết hôn cận huyết thống; Truyền thông, tư vấn sức khỏe trước kết hôn, gồm các nội dung: Sức khỏe sinh sản; sức khỏe tình dục; làm mẹ an toàn và chăm sóc trẻ sơ sinh; phòng ngừa mang thai ngoài ý muốn, phá thai an toàn; phòng tránh viêm nhiễm đường sinh sản, các bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp và HIV/AIDS; các bệnh di truyền thường gặp; các bệnh của bố, mẹ có thể sẽ liên quan đến bệnh, tật bẩm sinh của trẻ sơ sinh... Xây dựng, phát triển mạng lưới theo dõi bệnh nhân thalassemia và người lành mang gen bệnh.

+ Sàng lọc trước sinh: 03 bệnh Down, Edwards, Patau (Tuyến huyện): Đẩy mạnh việc phổ biến và nâng cao kiến thức của người dân đặc biệt là phụ nữ có chồng trong độ tuổi sinh đẻ và phụ nữ mang thai, góp phần hạn chế tỷ lệ trẻ sinh ra mắc các dị tật bẩm sinh, nâng cao chất lượng giống nòi. Củng cố nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán và điều trị trước sinh trên địa bàn tỉnh để thực hiện đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Thực hiện sàng lọc trước sinh cho phụ nữ mang thai bằng phương pháp siêu âm 03 bệnh phổ biến 03 bệnh Down, Edwards, Patau.

+ Sàng lọc sơ sinh

Tuyến tỉnh: Cung cấp các vật tư cho dịch vụ sàng lọc sơ sinh 03 bệnh (suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản tuyến thượng thận bẩm sinh (bộ mẫu giấy xét nghiệm lấy máu);

Tuyến huyện: Truyền thông lồng ghép các nội dung về sàng lọc trước sinh và sơ sinh; Tư vấn, gửi mẫu và gửi thông báo kết quả đến đối tượng sàng lọc sơ sinh 03 bệnh (suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản tuyến thượng thận bẩm sinh). Thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng sử dụng dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sơ sinh theo quy định. Sàng lọc sơ sinh bệnh khiếm thính bẩm sinh bằng máy đo thính lực, bệnh tim bẩm sinh bằng máy đo độ bão hòa oxy.

+ Quản lý, khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm:

Nhân bản cẩm nang hướng dẫn người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Thường xuyên lồng ghép tổ chức truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức truyền thông trực tiếp, hướng dẫn người cao tuổi tự chăm sóc; lồng ghép với các hoạt động truyền thông nhân ngày truyền thống người cao tuổi Việt Nam và Tháng hành động vì Người cao tuổi Việt Nam hằng năm. Lập hồ sơ quản lý sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi trên địa bàn ít nhất 1 lần/năm tại trạm y tế xã, phường thị trấn. Tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi tại các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới:

Tuyến tỉnh: Tổ chức tuyên truyền phát động hưởng ứng ngày dân số Thế giới 11/7, ngày dân số Việt nam 26/12, tháng hành động quốc gia về dân số; treo băng rôn; sản xuất bản tin dân số và phát triển; Tổ chức Hội thi "Tìm hiểu kiến thức về CSSKSS vị thành niên, thanh niên" tại trường THPT; Tuyên truyền trên Báo Lào Cai điện tử, Báo Sức khỏe và Đời sống; Tuyên truyền về nâng cao chất lượng dân số (sàng lọc trước sinh, sơ sinh, tư vấn khám sức khỏe trước kết hôn, giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết) tại 10 xã của 07 huyện, thị xã Phìn Ngan (Bát Xát); Minh Lương (Văn Bàn); Tả Van, bản Hồ (Sa Pa); Tả Thàng (Mường Khương); Hoàng Thu Phố, Tả Văn Chư (Bắc Hà); Xuân Hòa, Thượng Hà (Bảo Yên); Nàn Sín (Si Ma Cai).

+ Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và tư vấn: Hội nghị triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023. Tổ chức 01 lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh theo Theo Quyết định số 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ y tế về việc ban hành danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản cho 50 học viên là cán bộ y tế tham gia tổ chức thực hiện chương trình sàng lọc trước sinh, sơ sinh tuyến tỉnh, huyện.

- Hoạt động Chăm sóc sức khoẻ, dinh dưỡng bà mẹ trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số:

+ Nhóm hoạt động "Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho ba mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số" (Thực hiện theo Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam);

Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế/người cung cấp dịch vụ tại các tuyến về chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời: 09 lớp tập huấn cho cán bộ y tế trực tiếp triển khai chương trình;

Triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời: Tuyến tỉnh: Tổ chức hướng dẫn triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời cho phụ nữ mang thai, trẻ nhỏ tại các huyện. Tuyến huyện: Căn cứ hướng dẫn của tuyến tỉnh tổ chức xây dựng kế hoạch, lựa chọn xã và tổ chức triển khai các hoạt động: Triển khai tư vấn, hướng dẫn chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời lồng ghép trong chăm sóc trước sinh tại trạm y tế xã và tại cộng đồng; Thực hiện Quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ (EENC) với các trường hợp sinh thường để trẻ được bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh tại trạm y tế xã có đỡ đẻ; Tổ chức khám sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai 3 lần/thai kỳ/người; trẻ em dưới 2 tuổi 3 tháng/lần/trẻ lồng ghép vào các hoạt động khám thai và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em; Tổ chức buổi hướng dẫn trình diễn bữa ăn cho phụ nữ có thai và trẻ dưới 2 tuổi dựa trên các sản phẩm/thực phẩm có sẵn tại địa phương tập trung tại các xã triển khai mô hình dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời (các mô hình cũ và mới).

Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng: **Tuyến tỉnh** Khám sàng lọc toàn bộ trẻ từ 0-72 tháng tuổi tại các thôn đặc biệt khó khăn thuộc các xã Dân tộc thiểu số, dự kiến 2.000 trẻ (ưu tiên 22 xã xây dựng mô hình mới năm 2023) nhằm phát hiện trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính để tiếp nhận vào điều trị theo Quyết định số 4487/QĐ-BYT; Tổ chức điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em cộng đồng (Mua và cấp sản phẩm điều trị cho trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng)theo Quyết định số 4487/QĐ-BYT. **Tuyến huyện:** Phối hợp với tuyến tỉnh trong các hoạt động quản lý và điều trị suy dinh dưỡng cấp tính.

Củng cố, hoàn thiện mạng lưới chuyên trách và cộng tác viên dinh dưỡng: **Tuyến huyện:** rà soát, tổng hợp, kiện toàn danh sách y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản và cộng tác viên dinh dưỡng để có xây dựng kế hoạch tập huấn nâng cao kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng.

Tăng cường hỗ trợ, theo dõi, giám sát hỗ trợ và báo cáo công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ trẻ em: **Tuyến tỉnh** Giám sát, hỗ trợ, đánh giá tiến độ và kết quả triển khai hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng; quản lý và điều trị trẻ suy dinh dưỡng cấp tính; bổ sung đa vi chất cho phụ nữ mang thai ... tại 97 xã dân tộc thiểu số (hỗ trợ theo hình thức cầm tay chỉ việc nhằm hướng dẫn bà mẹ/người trực tiếp chăm sóc trẻ, cán bộ y tế, y tế thôn bản về kỹ năng sử dụng các thực phẩm sẵn có trong nhà để nấu cho trẻ 1 bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng; hướng dẫn điều trị trẻ suy dinh dưỡng cấp tính bằng sản phẩm điều trị tại hộ gia đình). Theo dõi, đánh giá hàng năm tình

trạng dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi và bà mẹ: Tổ chức điều tra 30 cụm theo hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng quốc gia. **Tuyến huyện** Giám sát, hỗ trợ tại trạm y tế xã, thôn bản, hộ gia đình trong triển khai thực hiện hoạt động quản lý và điều trị trẻ suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng, triển khai mô hình dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời (các mô hình cũ và mới).

+ Nhóm hoạt động: Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ trẻ em

Tăng cường và nâng cao chất lượng nguồn lực: **Tuyến tỉnh** Tham gia Hội nghị, hội thảo; tập huấn tại Trung ương về triển khai hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, bao gồm các nội dung: Hệ thống ghi chép báo cáo; Thực hiện sàng lọc XN protein niệu và 3 bệnh lây truyền mẹ-con (HIV, viêm gan B, giang mai; Chăm sóc trước, trong và sau sinh; Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em; Kiến thức, kỹ năng truyền thông chăm sóc sức khoẻ bà mẹ-trẻ em cho CBYT tuyến tỉnh. Tập huấn tại tỉnh cho các đối tượng về triển khai hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, dự kiến 10 lớp cho cán bộ y tế. **Tuyến huyện:** Cử cán bộ tham gia hội nghị và các lớp tập huấn tại tỉnh về triển khai hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản;

Tăng cường các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật triển khai can thiệp sức khỏe sinh sản: **Tuyến tỉnh** Tổ chức hội nghị hướng dẫn triển khai các nội dung về chăm sóc sức khoẻ bà mẹ trẻ em. Hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn cho tuyến xã thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khoẻ bà mẹ trẻ em. Tổ chức thẩm định các trường hợp tử vong mẹ, phối hợp tổ chức điều tra tử vong mẹ, tử vong trẻ sơ sinh và đánh giá năng lực người đỡ đẻ theo hướng dẫn của Vụ Sức khỏe Bà mẹ - trẻ em. **Tuyến huyện:** Tổ chức thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại các xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Theo dõi, giám sát hỗ trợ và báo cáo công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản bà mẹ trẻ em: **Tuyến tỉnh:** Theo dõi, giám sát tuyến huyện, xã thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về Chăm sóc trước, trong, sau sinh và chăm sóc sức khỏe trẻ em tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiếu so và miền núi. **Tuyến huyện:** Theo dõi, giám sát tuyến xã thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em, bao gồm: Chăm sóc trước, trong và sau sinh, chăm sóc sức khỏe trẻ em và mô hình truyền thông tại cộng đồng. Thực hiện báo cáo theo quy định.

+ Nhóm hoạt động "Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em":

Phát triển, xây dựng các sản phẩm truyền thông về chăm sóc SKBMTE phù hợp với bối cảnh văn hóa của từng dân tộc, bao gồm tin bài, video phổ biến kiến thức, phóng sự, trailer quảng bá, bài phát thanh... trên các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng xã hội;

Nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ các cấp bao gồm cán bộ y tế và ban ngành, đoàn thể cấp cơ sở về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em thông qua hoạt động tập huấn;

Hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật hoạt động truyền thông tại các huyện, thị xã: **Tuyến tỉnh** tổ chức 09 đợt giám sát, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật hoạt động truyền thông tại 09 huyện/thị xã/thành phố.

2.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Nội dung 1: Dự kiến tổ chức 242 Hội nghị tập huấn, tuyên truyền, vận động thay đổi nếp nghĩ, cách làm góp phần xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho khoảng 27.340 phụ nữ, trẻ em. Tổ chức xây dựng khoảng 423 tổ nhóm truyền thông cộng đồng tại 138 xã, phường, thị trấn thuộc vùng. Tổ chức 24 Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình, mua bán phụ nữ và trẻ em (trong đó cấp xã 14, cấp huyện 09, cấp tỉnh 01 Hội thi/liên hoan).

- Nội dung 2: Xây dựng và nhân rộng khoảng 343 các mô hình thay đổi nếp nghĩ cách làm nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em. Hỗ trợ thí điểm 10 mô hình sinh kế do phụ nữ làm chủ (tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ) ứng dụng công nghệ 4.0 để quảng bá, phát triển các sản phẩm bản địa, cải thiện sản xuất, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, kết nối thị trường.

- Nội dung 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển KTXH của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị. Tổ chức 09 lớp tập huấn hướng dẫn tổ chức Đối thoại chính sách ở cấp cơ sở theo Sổ tay hướng dẫn, Tổ chức 52 hội nghị đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản, 09 cuộc giám sát theo chủ đề của từng năm cấp huyện, 03 cuộc giám sát theo chủ đề của từng năm cấp tỉnh. Tổ chức 14 lớp tập huấn cho cán bộ ở cơ sở về cách thức thành lập và vận hành CLB theo Sổ tay hướng dẫn, thành lập mới 45 CLB thủ lĩnh của sự thay đổi tại trường học và cộng đồng. Tổ chức 24 lớp tập huấn ngắn về thu thập thông tin cho hệ thống GS&ĐG về bình đẳng giới cho cán bộ cấp xã và thôn bản. Tổ chức 01 chuyến thăm quan học tập kinh nghiệm, 01 lớp tập huấn cho cán bộ nữ chủ chốt trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị ở cấp huyện, cấp xã về kỹ năng, kinh nghiệm vận động ứng cử vào các cơ quan dân cử.

- Nội dung 4: Dự kiến tổ chức 29 Hội nghị tập huấn về hướng dẫn giám sát và đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ xã, thôn; 50 lớp tập huấn theo Chương trình 3 về phát triển năng lực LGG cho cán bộ, người có uy tín trong cộng đồng.

2.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

2.9.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù: Chủ động công tác chuẩn bị trong khi chờ trung ương ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện tiểu dự án. Dự kiến:

- Đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu thôn ĐBKK có cộng đồng người dân tộc Bố Y sinh sống tập trung theo quy định.

- Triển khai hỗ trợ phát triển sản xuất với 06 dự án chăn nuôi lợn đen sinh sản và xây dựng 04 mô hình, hợp tác xã liên kết sản xuất theo chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại các thôn có người Bố Y sinh sống.

- Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho người dân tộc Bố Y: Tổ chức các lớp dạy tiếng theo hình thức truyền khẩu; lớp dạy truyền văn hóa truyền thống tiêu biểu tại các dân tộc tại các thôn, bản; khôi phục bảo tồn nhạc cụ; sưu tầm các loại hình văn hóa truyền thống đặc sắc của dân tộc Bố Y; cấp thiết bị cho nhà sinh hoạt cộng đồng thôn.

- Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù: Hỗ trợ đối với bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 5 tuổi tiếp tục xây dựng các mô hình nâng cao chất lượng dân số tại thôn, bản có đông đồng bào dân tộc Bố Y sinh sống tập trung.

- Duy tu bảo dưỡng các công trình tại các thôn được thụ hưởng dự án

2.9.2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Truyền thông nâng cao nhận thức: Biên soạn 5.000 cuốn Sổ tay hỏi đáp về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, bình đẳng giới, bạo lực gia đình…; Tổ chức hội nghị tuyên truyền phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cho thanh thiếu niên, cha mẹ học sinh, người có uy tín và nhân dân trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức đi thăm quan học tập kinh nghiệm tại một số tỉnh về phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

-Tiếp tục thực hiện duy trì 17 mô hình điểm về phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Tổ chức 03 Hội nghị thầy mo, thầy cúng; người có uy tín; trưởng thôn; trưởng Ban công tác Mặt trận; người am hiểu phong tục tập quán dân tộc thiểu số.

2.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

2.10.1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023, thực hiện các nội dung sau:

- Nội dung 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín. Tổ chức các hội nghị tập huấn cho người có uy tín trong đồng bào DTTS, cụ thể:

+ Cấp tỉnh: Tổ chức Hội nghị gặp mặt biểu dương cho người có uy tín tiêu biểu xuất sắc trong đồng bào Dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai 2021-2023 với tổng số 420 người, trong đó người có uy tín 300 người, đại biểu khách mời, phục vụ 120 người; Tổ chức 02 Hội nghị tập huấn đối với các xã biên giới theo kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 16/6/2020 với 223 người, tổ chức tại TP Lào Cai; Tổ chức 03 hội nghị tập huấn đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS bao gồm: Thị xã Sa Pa; thành phố Lào Cai và huyện Bát Xát cho khoảng 294 người; Tổ chức đón các đoàn người có uy tín các huyện, thị xã đến thăm các cơ quan tỉnh: khoảng 9 đoàn với số lượng là 200 người; Tổ chức đón đại biểu là người có uy tín các tỉnh bạn đến thăm Ban Dân tộc, dự kiến 10 đoàn, khoảng 450 đại biểu; Tổ chức thăm hỏi người có uy tín

ốm đau, thiên tai hoả hoạn, người có uy tín hoặc thân nhân người có uy tín chết; Cấp Báo Lào Cai, Báo Dân tộc và phát triển cho 1.119 người có uy tín.

+ Cấp huyện: Tổ chức tặng quà cho 1.119 người có uy tín nhân dịp Tết nguyên đán; Tổ chức thăm hỏi khoảng 50 người có uy tín ốm đau, thiên tai, hoả hoạn, người có uy tín, thân nhân người có uy tín chết; tổ chức đưa 250 người có uy tín tiêu biểu đi thăm quan, học tập kinh nghiệm trong tỉnh; tập huấn cho khoảng 1 nghìn người có uy tín trên địa bàn về chính sách dân tộc và các nội dung phát huy vai trò người có uy tín và khen thưởng người có uy tín tiêu biểu.

- Nội dung 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện các nội dung: Tổ chức 02 hội thi nâng cao nhận thức pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số và các hội nghị tuyên truyền trực tiếp cho đồng bào dân tộc thiểu số các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới về các chính sách dân tộc và kết quả thực hiện chinh sách dân tộc; gương người tốt, việc tốt trong chấp hành và thực hiện pháp luật, chính sách dân tộc gắn với tuyên truyền, vận động đồng bào cảnh giác trước âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá Đảng, Nhà nước; phá hoại khối đoàn kết dân tộc; Xây dựng tiểu phẩm pháp luật tuyên truyền các chính sách pháp luật dành cho đồng bào dân tộc thiểu số để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật; Biên soạn, in ấn, cấp phát tài liệu tìm hiểu pháp luật dành cho đồng bào dân tộc thiểu số (tờ gấp/tài liệu hỏi – đáp/ tình huống pháp luật,…).

- Nội dung 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tổ chức các hội nghị tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Biên soạn, in ấn tài liệu về chính sách trợ giúp pháp lý và nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (tổ chức các đợt truyền thông).

2.10.2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (chưa phân bổ chi tiết vốn, do một số nội dung Trung ương chưa có hướng dẫn)…

2.10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn, tổ chức thực hiện Chương trình.

Thực hiện công tác rà soát, kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn, tổ chức thực hiện Chương trình định kỳ theo kế hoạch và theo các văn bản hướng dẫn của trung ương.

III. KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Tổng vốn huy động để thực hiện Chương trình năm 2023 là 1.371.250 triệu đồng trong đó:

- Vốn trung ương: 1.067.365 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 510.429 triệu đồng; Vốn sự nghiệp: 556.936 triệu đồng);

- Vốn ngân sách tỉnh dự kiến: 114.843triệu đồng;

- Vốn ngân sách huyện dự kiến: 31.242 triệu đồng;

- Vốn huy động cộng đồng: 84.000 triệu đồng;

- Vốn tín dụng: 73.800 triệu đồng.

(Có phụ lục số II kèm theo)

IV. NGUYÊN TẮC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thực hiện

- Về nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách:

+ Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 19/4/2022 của HĐND tỉnh về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Lào Cai.

+ Đối với các dự án đầu tư: Rà soát ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án đã quyết toán, dự án hoàn thành trong năm 2023, dự án chuyển tiếp. Sắp xếp thứ tự ưu tiên khởi công mới các dự án trong năm 2023 bảo đảm tính khả thi về thủ tục đầu tư, thực hiện và giải ngân, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Năm 2023, chỉ được phép khởi công mới các công trình khi đã bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023,.... Đảm bảo các nội dung quy định về lập và giao kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG theo Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bền vững, không dàn trải, tập trung cho các xã, thôn khó khăn nhất; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án trọng điểm, có tính chất lan tỏa, tạo động lực mới phát triển ngành, lĩnh vực ở địa phương; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, khó khăn nhất. Thực hiện Chương trình này phải lồng ghép với các chương trình dự án khác trên từng địa bàn và gắn với thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của xã, huyện.

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư; thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm", thực hiện công khai, dân chủ từ cơ sở, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

- Các đơn vị chủ đầu tư trực tiếp sử dụng ngân sách của Chương trình phải có trách nhiệm triển khai thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công và cơ chế đặc thù đối với Chương trình mục tiêu quốc gia; đảm bảo việc giải ngân hoàn thành kế hoạch vốn được giao.

- Ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đăng ký thoát khỏi thôn, xã đặc biệt khó khăn; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị có nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia; phát triển kinh tế tập thể, tổ hợp tác, hợp tác xã ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình

2.1. Về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

Tăng cường vai trò trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và của các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu tổng hợp các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần, các lĩnh vực thuộc chương trình ở các cấp, địa phương.

2.2. Về giải pháp huy động vốn

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách nhà nước (NSTW, NS tỉnh, NS huyện) đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định; có giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn ODA; vốn vay tín dụng, tăng cường huy động các nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài;

- Lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn của Chương trình này với các chương trình, dự án khác trên địa bàn cho phù hợp để phát huy hiệu quả cao. Trong đó phải gắn với nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới của từng địa bàn cấp huyện, cấp xã.

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của tỉnh và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

2.3. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ

Bám sát các quy định của Trung ương, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định hướng dẫn của địa phương để thực hiện chương trình đảm bảo hiệu quả.

2.4. Về công tác tuyên truyền

Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng mục tiêu của Chương trình đến mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp dân cư và người dân tộc thiểu số nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người dân tộc thiểu số, nhất là người dân tộc thiểu số nghèo.

2.5. Về khoa học, kỹ thuật và công nghệ

Tăng cường nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự tính, dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc.

2.6. Công tác giám sát đánh giá thực hiện Chương trình

Các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình theo Chương VII, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và các quy định hiện hành về kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư; Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc, gửi Ban Dân tộc tỉnh và các quy định hiện hành về kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị để tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công quy định tại Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; Quyết định số 775/QĐ-BCĐ ngày 15/4/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025.

2. Ban Dân tộc

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và các địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh tổ chức triển khai, điều phối thực hiện Chương trình theo quy định; tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện theo yêu cầu của trung ương và của UBND tỉnh.

- Trong quá triển khai thực hiện, cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với thực tế ở địa phương, hướng dẫn của trung ương, giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, các đơn vị được phân công phụ trách các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần thuộc Chương trình và các huyện, thị xã, thành phố tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, định kỳ, đột xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh và các Sở, ngành có liên quan tổng hợp, cân đối và phân bổ nguồn vốn đầu tư để thực hiện kế hoạch chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn tỉnh để thực hiện kế hoạch đảm bảo đúng quy định.

- Tham gia thực hiện công tác rà soát, kiểm tra, giám sát theo quy định.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt chi tiết dự toán kinh phí sự nghiệp theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh để lồng ghép, đối ứng thực hiện chương trình. Báo cáo tiến độ giải ngân vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch nguồn vốn sự nghiệp Chương trình trong trường hợp điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các huyện, hoặc các đơn vị để đảm bảo theo quy định.

- Hướng dẫn các đơn vị, chủ đầu tư thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chương trình đúng quy định của pháp luật.

- Tham gia thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

5. Các sở, ban, ngành được phân công chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình hoặc cơ các quan ở cấp tỉnh theo chức năng quản lý lĩnh vực:

- Tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thực hiện Chương trình theo hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc;

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Ban Dân tộc để tổng hợp theo quy định.

Nhiệm vụ của các cơ quan cấp tỉnh chủ trì các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần hoặc cơ quan phụ trách lĩnh vực quản lý theo chức năng thuộc Chương trình được UBND tỉnh phân công tại Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh.

6. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan, các tổ chức hội, đoàn thể nhận ủy thác triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh; tham mưu đề xuất với các cơ quan Trung ương sửa đổi, bổ sung cơ chế, định mức cho vay đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số cho phù hợp.

- Định kỳ báo cáo về Ban Dân tộc tỉnh kết quả thực hiện, giải ngân nguồn vốn tín dụng theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ và nguồn vốn tín dụng theo các nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình gắn với phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau". Tuyên truyền nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến và phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ mức vốn, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025, tình hình thực tế tại địa phương để xây dựng và phê duyệt, phân bổ Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2023 của cấp huyện theo quy định, giao cho các cơ quan, đơn vị, cấp xã trực thuộc thực hiện; đồng thời gửi Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan chủ trì Dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình theo dõi, quản lý; chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về tiến độ, chất lượng, hiệu quả về nội dung, nguồn vốn được giao quản lý thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- Khẩn trương hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự còn lại trong kế hoạch giai đoạn 2021-2025 theo quy định hiện hành; quyết định phân bổ vốn chi tiết cho các dự án để triển khai thực hiện; đồng thời gửi Quyết định phân bổ vốn chi tiết về Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính và các cơ quản có liên quan theo dõi, quản lý.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận, phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị tại địa phương trong thực hiện Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, người dân tại địa phương trong thực hiện Chương trình, nhà nước hỗ trợ, người dân chủ động thực hiện.

- Bố trí đủ nguồn vốn thực hiện Chương trình theo quy định, tổ chức huy động các nguồn lực từ doanh nghiệp, cộng đồng, người dân để thực hiện các nội dung của Chương trình theo quy định. Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; kịp thời biểu dương, nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu, tạo sức lan tỏa sâu rộng của phong trào thi đua từ cơ sở.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, thanh tra việc tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn; kịp thời giải quyết, kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện từ cơ sở. Định kỳ sơ, tổng kết, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

9. UBND các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Triển khai xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chương trình trên địa bàn cấp xã; đồng thời gửi báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ về UBND cấp huyện; chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về tiến độ, chất lượng, hiệu quả về nội dung, nguồn vốn được giao quản lý thực hiện Chương trình trên địa bàn cấp xã.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận, huy động sự vào cuộc với trách nhiệm cao, phát huy rõ vai trò chủ thể của chính cộng đồng, người dân tại địa phương, Nhà nước hỗ trợ, người dân chủ động thực hiện, xóa tư tưởng trông chờ, ỷ lại trong cộng đồng, người dân tại địa phương.

- Huy động tổng thể nguồn lực từ cộng đồng, người dân; thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến nhân dân, phát huy tốt vai trò giám sát của cộng đồng trong quá trình

thực hiện; quản lý, khai thác, phát huy hiệu quả sử dụng các công trình, dự án sau khi đã được đầu tư hỗ trợ.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn cấp xã; chủ động, kịp thời phát hiện, giải quyết, đề xuất giải quyết những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch tại cơ sở. Đánh giá tiến độ thực hiện hằng tháng, quý của cấp ủy, chính quyền địa phương. Định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đảm bảo chất lượng theo quy định.

Căn cứ nội dung Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các hội, đoàn thể có liên quan tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Các bộ, cơ quan TW chủ trì nội dung, tiểu dự án, DA thành phần thuộc CT MTQG 1719;
- TT. TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND;
- Huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP;
- Đài PTTH, Báo Lào Cai;
- Lưu: VT, NLN2, TH4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Thị Dung

PHỤ LỤC I
CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI - NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 131 /KH-UBND ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Chỉ số (tại địa bàn thực hiện Chương trình ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn năm 2023 toàn vùng đồng bào DTTS&MN (138 xã, phường, thị trấn)	Mục tiêu năm 2023 chia theo huyện, thị xã, thành phố									CQ cấp tỉnh chủ trì tổng hợp theo dõi, thẩm định chỉ tiêu	Ghi chú
				Si Ma Cai	Bắc Hà	Mường Khương	Bát Xát	Sa Pa	Văn Bàn	Bảo Yên	Bảo Thắng	Thành phố		
1	Số xã vùng III thoát diện đặc biệt khó khăn	Xã	1,00	-	-	-	-	1,00	-	-	-	-	BDT	Mường Hoa
2	Số thôn, bản đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III thoát diện đặc biệt khó khăn	Thôn	2,00	-	-	-	-	2,00	-	-	-	-	BDT	
3	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo BQ hàng năm trong vùng đồng bào DTTS.	%	6,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Sở LĐTBXH	
4	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	Sở GTVTXD	
5	Tỷ lệ phòng học được xây dựng kiên cố	%	78,00	83,50	80,00	70,00	67,00	75,00	82,00	90,00	85,00	97,00	Sở GDĐT	
6	Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	Sở Y tế	
7	Tỷ lệ dự án đầu tư xây dựng công trình theo Chương trình được thực hiện theo cơ chế quản lý đặc thù	%	57,65	25,00	41,6	43,75	50,00	30,76	80,55	71,42	59,03	75,00	Ban Dân tộc	
8	Tỷ lệ hộ dân người DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	97,00	94,00	93,30	95,00	93,30	92,00	97,50	100,00	96,00	100,00	Sở NNPTNT	
9	Số hộ được sắp xếp, ổn định dân cư	Hộ	595,00	19,00	60,00	25,00	250,00	64,00	122,00	20,00	14,00	21,00	Sở NNPTNT	
10	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp	%	97,60	99,50	98,30	99,00	95,00	98,00	97,00	98,80	99,90	99,50	Sở Công thương	

TT	Chỉ số (tại địa bàn thực hiện Chương trình ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn năm 2023 toàn vùng đồng bào DTTS&MN (138 xã, phường, thị trấn)	Mục tiêu năm 2023 chia theo huyện, thị xã, thành phố									CQ cấp tỉnh chủ trì tổng hợp theo dõi, thẩm định chỉ tiêu	Ghi chú
				Si Ma Cai	Bắc Hà	Mường Khương	Bát Xát	Sa Pa	Văn Bàn	Bảo Yên	Bảo Thắng	Thành phố		
11	Tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình	%	97,67	93,00	97,00	98,00	95,00	96,00	100,00	100,00	100,00	100,00	Sở TTTT	
12	Tỷ lệ đồng bào DTTS được nghe đài phát thanh	%	99,44	100,00	100,00	97,00	100,00	98,00	100,00	100,00	100,00	100,00	Sở TTTT	
13	Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 4 tuổi, 5 tuổi đến trường	%	99,47	99,80	99,50	99,00	99,80	99,50	99,70	98,90	99,50	99,50	Sở GDĐT	
14	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường	%	99,59	99,70	99,90	99,80	99,50	99,50	99,90	99,20	99,80	99,00	Sở GDĐT	
15	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường	%	99,39	99,70	99,90	99,00	99,70	98,50	99,70	99,50	99,50	99,00	Sở GDĐT	
16	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đến trường (bao gồm THPT; giáo dục thường xuyên; học nghề)	%	74,12	75,00	67,00	77,50	74,00	70,00	78,77	73,00	73,78	78,00	Sở GDĐT	
17	Tỷ lệ người từ 15 đến 60 tuổi đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông	%	94,00	92,00	90,00	90,00	94,70	94,00	95,20	94,70	97,80	97,30	Sở GDĐT	
18	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế	%	93,90	97,00	96,00	95,00	98,00	95,00	82,00	93,10	95,00	94,00	Sở Y tế	
19	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 4 lần/3 thời kỳ	%	58,67	54,00	55,50	55,50	54,00	48,00	52,00	53,00	74,00	82,00	Sở Y tế	
20	Tỷ lệ phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự giúp đỡ của cán bộ y tế đỡ	%	90,11	90,00	90,00	90,00	90,00	75,00	91,00	91,00	94,00	100,00	Sở Y tế	
21	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng được hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	Sở Y tế	
22	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	27,06	29,30	29,50	30,30	29,00	30,80	25,00	25,90	22,30	21,40	Sở Y tế	
23	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (Cân nặng/tuổi)	%	14,98	15,20	17,40	16,20	13,10	18,10	15,80	14,40	11,80	12,80	Sở Y tế	
24	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu	%	52,80	41,00	42,00	48,60	30,00	59,00	54,00	56,00	64,80	80,00	Sở LĐTBXH	

TT	Chỉ số (tại địa bàn thực hiện Chương trình ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi)	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn năm 2023 toàn vùng đồng bào DTTS&MN (138 xã, phường, thị trấn)	Mục tiêu năm 2023 chia theo huyện, thị xã, thành phố									CQ cấp tỉnh chủ trì tổng hợp theo dõi, thẩm định chỉ tiêu	Ghi chú
				Si Ma Cai	Bắc Hà	Mường Khương	Bát Xát	Sa Pa	Văn Bàn	Bảo Yên	Bảo Thắng	Thành phố		
25	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng	%	97,00	97,00	100,00	98,70	100,00	95,00	100,00	100,00	100,00	100,00	Sở Văn hoá &TT	
26	Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng	%	70,00	81,00	50,00	31,84	68,20	47,00	60,00	75,00	70,00	77,60	Sở Văn hoá &TT	
27	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS	%		-	-	-	-	-	-	-	-	-	Sở Nội vụ	
27.1	Cấp tỉnh	%	13,45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Sở Nội vụ	
27.2	Cấp huyện	%	24,10	57,50	40,20	52,50	38,20	37,80	44,70	39,80	12,80	14,20	Sở Nội vụ	
27.3	Cấp xã	%	59,00	87,50	68,70	77,40	63,00	67,10	78,60	70,70	21,40	18,35	Sở Nội vụ	
28	Số cán bộ, công chức, viên chức thuộc Đối tượng 4 được bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân	Lượt người	1.320,00	100,00	150,00	150,00	150,00	100,00	270,00	150,00	150,00	100,00	Sở Nội vụ	
29	Số người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt ở cơ sở được hỗ trợ, tạo điều kiện.	Người	1.119,00	61,00	146,00	157,00	158,00	96,00	171,00	174,00	83,00	73,00	BDT	

PHỤ LỤC II

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THỰC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI - NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 131 /KH-UBND ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính vốn: Triệu đồng

TT	Đơn vị thực hiện	Quy mô dự kiến	Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023													
			Tổng số	Nguồn vốn đầu tư phát triển								Nguồn vốn sự nghiệp				
				Tổng cộng	Vốn NSNN				Dự kiến huy động cộng đồng	Dự kiến vốn tín dụng	Dự kiến vốn khác	Tổng cộng	Vốn NSNN		Dự kiến huy động cộng đồng	Dự kiến vốn tín dụng
					Cộng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện					Cộng	NSTW		
	TỔNG SỐ		**1.371.250**	**755.314**	**656.514**	**510.429**	**114.843**	**31.242**	**80.000**	**18.800**	**-**	**615.936**	**556.936**	**556.936**	**4.000**	**55.000**
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Hỗ trợ đất ở cho hộ DTTS; Hỗ trợ nhà ở; Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất; Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán; Đầu tư, xây dựng nâng cấp 16 công trình cấp nước tập trung...	61.149	44.708	25.908	24.018	-	1.890		18.800		16.441	16.441	16.441		
2	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Triển khai xây dựng 03 điểm dân cư tập trung; Sắp xếp dân cư xen ghép	79.108	33.324	33.324	33.324	-	-				45.784	45.784	45.784		
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng; Bảo vệ rừng; hỗ trợ trồng rừng sản xuất; Hỗ trợ triển khai thực hiện dự án phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; dự án sinh kế cộng đồng; Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý;Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi...	265.998	-	-							265.998	211.998	211.998	4.000	50.000
4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Tiếp tục triển khai xây dựng đường đến trung tâm xã: 15 công trình với quy mô tổng số chiều dài 132 km; Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở từng xã khu vực III và thôn ĐBKK: Triển khai khởi công xây dựng đường GTNT; cầu ngầm GTNT; Trường học; thủy lợi; Điện; khác... Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn vùng các xã, thôn đặc biệt khó khăn.	532.768	506.324	426.324	283.052	114.843	28.429	80.000			26.444	26.444	26.444		
5	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Đầu tư công trình trường PTDTNT và PTDTBT với các hạng mục: Phòng học, phòng học bộ môn; nhà hiệu bộ; chức năng; nhà văn hóa dân tộc; nhà kho; phòng ở bán trú, phòng công vụ GV; nhà bếp + nhà ăn; công trình vệ sinh; Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ ...	238.567	113.446	113.446	112.716		730				125.121	125.121	125.121		

TT	Đơn vị thực hiện	Quy mô dự kiến	Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023													
			Tổng số	Nguồn vốn đầu tư phát triển								Nguồn vốn sự nghiệp				
				Tổng cộng	Vốn NSNN				Dự kiến huy động cộng đồng	Dự kiến vốn tín dụng	Dự kiến vốn khác	Tổng cộng	Vốn NSNN		Dự kiến huy động cộng đồng	Dự kiến vốn tín dụng
					Cộng	NSTW	NS tỉnh	NS huyện					Cộng	NSTW		
6	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	Tuyên truyền, quảng bá, lồng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá xúc tiến du lịch các vùng đồng bào DTTS và miền núi; Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; Hỗ trợ trang thiết bị (âm thanh, ánh sáng, thiết bị công nghệ thông tin…) cho 48 nhà văn hóa xã; Bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số tại huyện Bắc Hà; Bát Xát; thị xã Sa Pa; Hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số.	37.675	17.920	17.920	17.920	-	-				19.755	14.755	14.755		5.000
7	DỰ ÁN 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Dự án công trình Trung tâm Y tế huyện Si Ma Cai; Hoạt động Chăm sóc dinh dưỡng nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số; Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em.	18.218	7.434	7.434	7.434						10.784	10.784	10.784		
8	DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Tổ chức Hội nghị tập huấn, tuyên truyền; Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi nếp nghĩ cách làm; Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển KTXH; Tổ chức 10 Hội nghị tập huấn về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới	26.570	-	-							26.570	26.570	26.570		
9	DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	90.932	32.158	32.158	31.965	-	193				58.774	58.774	58.774		
10	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và MN. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn, tổ chức thực hiện Chương trình.	20.265	-	-							20.265	20.265	20.265		

PHỤ LỤC II.1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI - NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 131 KH-UBND ngày 09 3 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục, dự án, tiểu dự án, nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn giao năm 2023	Kế hoạch vốn phân bổ vốn giai đoạn năm 2023																Ghi chú
				Tổng số	Các địa phương											Các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh				
					Cộng	Si ma Cai	Bắc Hà	Mường Khương	Bát Xát	Sa Pa	Văn Bàn	Bảo Yên	Bảo Thắng	TP Lào Cai		Cộng	Ban Dân tộc	Sở Du lịch	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai	
	TỔNG CỘNG	*2.058.769*	*510.429,0*	*510.429,0*	*498.087,0*	*46.176,0*	*85.223,0*	*90.742,0*	*87.325,0*	*59.768,0*	*64.526,0*	*46.036,0*	*14.723,0*	*3.568,0*		*12.342,0*	-	*6.937,0*	*5.405,0*	
I	**DỰ ÁN: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**	**96.876**	**24.018**	**24.018,0**	**24.018,0**	**1.129,0**	**4.330,0**	**2.354,0**	**3.692,0**	**2.317,0**	**3.558,0**	**2.926,0**	**2.912,0**	**800,0**		-	-	-	-	
II	**DỰ ÁN 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**	**134.409**	**33.324**	**33.324**	**33.324,0**	**995,0**	**1.741,0**	**2.676,0**	**12.434,0**	**2.974,0**	**7.918,0**	**1.820,0**	**1.960,0**	**806,0**		-	-	-	-	
ND1	Hỗ trợ xây dựng điểm SXDC tập trung	57.174	14.175	14.175	14.175				9.699,0		4.476,0					-				
ND2	Hỗ trợ SXDC xen ghép	77.235	19.149	19.149	19.149	995	1.741,0	2.676,0	2.735,0	2.974,0	3.442,0	1.820,0	1.960,0	806,0		-				
III	**DỰ ÁN 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**	**28.733**	-	-												-	-		-	
TDA2	Hỗ trợ đầu tư phát triển vùng dược liệu quý	28.733		-												-				
IV	**DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**	**1.112.930**	**283.052**	**283.052**	**283.052,0**	**26.760,0**	**51.870,0**	**41.957,0**	**48.518,0**	**33.379,0**	**42.192,0**	**26.563,0**	**9.851,0**	**1.962,0**		-	-	-	-	
V	**DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**	**421.185,0**	**112.716,0**	**112.716**	**107.311,0**	**9.858,0**	**24.536,0**	**11.790,0**	**19.935,0**	**18.352,0**	**10.858,0**	**11.982,0**				**5.405,00**			**5.405,0**	
VI	**DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch**	**72.278,0**	**17.920,0**	**17.920**	**10.983,00**		**2.746,0**	-	**2.746,0**	**2.746,0**	-	**2.745,0**	-	-		**6.937,0**	-	**6.937,0**	-	
VII	**DỰ ÁN 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**	**29.985**	**7.434**	**7.434**	**7.434,0**	**7.434,0**										-	-		-	

TT	Danh mục, dự án, tiểu dự án, nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn giao năm 2023	Tổng số	Các địa phương										Các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh				Ghi chú
					Cộng	Si ma Cai	Bắc Hà	Mường Khương	Bát Xát	Sa Pa	Văn Bàn	Bảo Yên	Bảo Thắng	TP Lào Cai	Cộng	Ban Dân tộc	Sở Du lịch	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai	
ND1	Đầu tư trung tâm y tế huyện (Si ma Cai)	29.985,0		7.434	7.434,0	7.434,0									-				
VIII	**DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**																		
IX	**DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**	**128.928,0**	**31.965,0**	**31.965**	**31.965,0**			**31.965,0**							-	-		-	
TDA1	Tiểu Dự án 1. Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	128.928,0		31.965	31.965,0			31.965,0							-				
X	**DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và MN. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình**	**33.445,0**	-	-											-	-		-	

PHỤ LỤC II.2

KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI - NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 131 /KH-UBND ngày 09 /3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: Triệu đồn

TT	Nội dung tiểu dự án, dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	Tổng cộng		**556.936**	**125.121**	**31.864**	**41.602**	**325.705**	**32.644**		**4.000**	**55.000**	
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**139.325**	**71.090**	**3.445**	**15.990**	**32.478**	**16.322**				
		Ban Dân tộc	13.737	5.600	-	5.290	500	2.347				
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	150	-	-	-	150	-				
		Sở Tài Chính	150	-	-	-	150	-				
		Sở Nông nghiệp và PTNT	29.062	2.560	-	-	26.502	-				
		Văn phòng Tỉnh uỷ (Ban Dân vận Tỉnh ủy)	350	-	-	200	100	50				
		Văn phòng Tỉnh ủy (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)	200	-	-	200	-	-				
		Văn phòng UBND tỉnh	100	-	-	-	100	-				
		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3.920	2.500	-	-	50	1.370				
		Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng	60	-	-	-	60	-				
		Sở Công thương	2.731	-	-	-	2.731	-				
		Sở Giáo dục và Đào tạo	18.927	18.627	-	-	100	200				
		Sở Văn hóa và Thể thao	5.200	-	-	4.920	100	180				
		Sở Du lịch	950	-	-	900	50	-				
		Sở Thông tin Truyền thông	1.700	-	-	1.650	50	-				
		Sở Y tế	3.695	-	3.445	-	100	150				
		Công an tỉnh	150	-	-	-	-	150				
		Sở Tài nguyên Môi trường	30	-	-	-	30	-				
		Sở Nội vụ	2.078	2.028	-	-	50	-				
		Ban Tôn giáo	400	-	-	400	-	-				
		Sở Tư pháp	1.300	-	-	950	50	300				
		BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	990	-	-	630	-	360				
		Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh	450	-	-	250	150	50				
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	11.045	-	-	-	80	10.965				

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
		Tỉnh đoàn Lào Cai	700	-	-	500	-	200				
		Hội Nông dân tỉnh	1.475	-	-	100	1.375	-				
		Trường Cao đẳng Lào Cai	39.775	39.775	-	-	-	-				
b	**Cấp huyện**		**360.067**	**44.559**	**8.489**	**15.070**	**275.627**	**16.322**				
		UBND Huyện Si Ma Cai	21.774	3.149	537	1.339	15.081	1.668				
		UBND Huyện Bắc Hà	45.239	5.321	1.107	1.807	34.387	2.617				
		UBND Huyện Mường Khương	43.500	4.506	2.125	2.154	32.604	2.111				
		UBND Huyện Bát Xát	64.024	6.479	1.215	1.961	51.841	2.528				
		UBND TX Sa Pa	46.970	5.167	975	2.085	36.478	2.265				
		UBND Văn Bàn	69.598	5.813	1.149	1.943	58.432	2.261				
		UBND Huyện Bảo Yên	41.222	4.781	876	1.774	32.028	1.763				
		UBND Huyện Bảo Thắng	18.401	3.857	355	976	12.330	883				
		UBND TP Lào Cai	9.339	5.486	150	1.031	2.446	226				
c	**Chưa phân bổ**		**57.544**	**9.472**	**19.930**	**10.542**	**17.600**	-	-			
I	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**		**16.441**	-	-	-	**16.441**	-				
		UBND Huyện Si Ma Cai	1.722				1.722					
		UBND Huyện Bắc Hà	4.017				4.017					
		UBND Huyện Mường Khương	667				667					
		UBND Huyện Bát Xát	3.158				3.158					
		UBND TX Sa Pa	766				766					
		UBND Văn Bàn	410				410					
		UBND Huyện Bảo Yên	2.579				2.579					
		UBND Huyện Bảo Thắng	3.058				3.058					
		UBND TP Lào Cai	64				64					
II	**Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**		**45.784**	-	-	-	**45.784**	-				
		UBND Huyện Si Ma Cai	2.867				2.867					
		UBND Huyện Bắc Hà	3.837				3.837					
		UBND Huyện Mường Khương	6.452				6.452					
		UBND Huyện Bát Xát	7.101				7.101					
		UBND TX Sa Pa	6.689				6.689					
		UBND Văn Bàn	7.745				7.745					
		UBND Huyện Bảo Yên	5.954				5.954					
		UBND Huyện Bảo Thắng	3.842				3.842					

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
		UBND TP Lào Cai	1.297				1.297					
III	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**		**211.998**	-	-	-	**211.998**			**4.000**	**50.000**	
1	**Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân**		**136.386**	-	-	-	**136.386**	-				
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**23.939**				**23.939**					
	1. Kinh phí thực hiện hỗ trợ khoán bảo vệ rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT (chi cục Kiểm lâm)	23.939				23.939					
b	**Cấp huyện**		**112.447**	-	-	-	**112.447**	-				
		UBND Huyện Si Ma Cai	4.161				4.161					
		UBND Huyện Bắc Hà	12.276				12.276					
		UBND Huyện Mường Khương	9.236				9.236					
		UBND Huyện Bát Xát	27.041				27.041					
		UBND TX Sa Pa	9.395				9.395					
		UBND Văn Bàn	36.948				36.948					
		UBND Huyện Bảo Yên	13.140				13.140					
		UBND Huyện Bảo Thắng	250				250					
		UBND TP Lào Cai	-				-					
2	**Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**		**75.612**	-	-	-	**75.612**					
2.1	**Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị**		**54.611**	-	-	-	**54.611**					
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**3.777**				**3.777**					
	1. Kinh phí thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị	Sở Nông nghiệp và PTNT	2.402				2.402					
	2. Kinh phí thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị	Hội Nông dân tỉnh	1.375				1.375					
b	**Cấp huyện**		**50.834**	-	-	-	**50.834**	-				
		UBND Huyện Si Ma Cai	3.588				3.588					
		UBND Huyện Bắc Hà	8.067				8.067					
		UBND Huyện Mường Khương	7.206				7.206					
		UBND Huyện Bát Xát	8.202				8.202					
		UBND TX Sa Pa	6.947				6.947					
		UBND Văn Bàn	7.514				7.514					
		UBND Huyện Bảo Yên	5.827				5.827					
		UBND Huyện Bảo Thắng	2.892				2.892					

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
		UBND TP Lào Cai	591				591					
2.2	**Nội dung số 02: Hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý**		**7.348**	-		-	**7.348**	-				
*	**Cấp huyện**		**7.348**	-		-	**7.348**	-				
		UBND TX Sa Pa	7.348				7.348					
2.3	**Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**		**13.653**	-		-	**13.653**					
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**2.731**				**2.731**					
		Sở Công thương	2.731				2.731					
	1. Xuất bản "Cuốn tài liệu XTTM tỉnh Lào Cai" (Tiềm năng, lợi thế, cơ chế, chính sách TM, XNK, sản phẩm đặc thù...)		249				249					
	2. Tổ chức tuần lễ quảng bá thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm sản phẩm vùng DTTS&MN của tỉnh Lào Cai (02 tuần lễ/năm)		764				764					
	3. Tổ chức phiên chợ văn hóa thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm sản phẩm vùng DTTD&MN của tỉnh Lào Cai (02 kỳ/năm)		300				300					
	4. Tổ chức hội chợ giới thiệu sản phẩm XTTM, thu hút đầu tư vùng DTTS & MN của tỉnh Lào Cai : 220 gian hàng tiêu chuẩn		1.280				1.280					
	5. Tập huấn phát triển nguồn nhân lực thương mại		63				*63*					
	6. Kinh phí thực hiện các hoạt động khác thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN		75				*75*					
b	**Cấp huyện**		**10.922**	-	-	-	**10.922**	-				
		UBND Huyện Si Ma Cai	771				771					
		UBND Huyện Bắc Hà	1.733				1.733					
		UBND Huyện Mường Khương	1.548				1.548					
		UBND Huyện Bát Xát	1.762				1.762					
		UBND TX Sa Pa	1.493				1.493					
		UBND Văn Bàn	1.614				1.614					
		UBND Huyện Bảo Yên	1.252				1.252					
		UBND Huyện Bảo Thắng	621				621					
		UBND TP Lào Cai	128				128					
IV	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**		**26.444**				**26.444**					
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		**26.444**	-	-	-	**26.444**	-	-			
*	**Cấp huyện**		**26.444**	-	-	-	**26.444**	-				
		UBND Huyện Si Ma Cai	1.830				1.830					
		UBND Huyện Bắc Hà	4.158				4.158					

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
		UBND Huyện Mường Khương	3.749				3.749					
		UBND Huyện Bát Xát	4.250				4.250					
		UBND TX Sa Pa	3.574				3.574					
		UBND Văn Bàn	3.902				3.902					
		UBND Huyện Bảo Yên	3.053				3.053					
		UBND Huyện Bảo Thắng	1.591				1.591					
		UBND TP Lào Cai	337				337					
V	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**		**125.121**	**125.121**	-	-	-	-				
1	**Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.**		**18.862**	**18.862**								
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**											
	1. Mua sắm thiết bị dạy học cho các trường PTDT Bán trú (Danh mục thực hiện theo Thông tư số 37; 38; 39/TT-BGDDT ngày 28/12/2021 về ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học, THCS và THPT)	Sở Giáo dục và Đào tạo	13.323	13.323								
	2. Nâng cao chất lượng dạy và học đối với trường PTDT Nội trú, Bán trú, phổ thông có học sinh bán trú	Sở Giáo dục và Đào tạo	700	700								
b	**Chưa phân bổ**		4.839	4.839								
2	**Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**		**15.749**	**15.749**	-	-	-					
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**11.865**	**11.865**								
	1. Kinh phí thực hiện bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Ban Dân tộc	600	600								
	2. Kinh phí thực hiện bồi dưỡng kiến thức dân tộc:	Sở Nội vụ	653	653								
	- Kinh phí tổ chức 04 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc thiểu số (Số lượng 220 người/4 lớp; Đối tượng: cán bộ, công chức viên chức lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương; Thời gian: 5 ngày/lớp; Địa điểm: thành phố Lào Cai) Nội dung chi: Chi thù lao giảng viên, tiền ăn, thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại của giảng viên; tiền ăn, nghỉ, đi lại của học viên; thuê hội trường, trang trí khánh tiết, văn phòng phẩm, nước uống, tài liệu, chấm bài kiểm tra, in giấy chứng nhận											
	3. Kinh phí bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Sở Nội vụ	1.332	1.332								

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	- Kinh phí tổ chức đào tạo tiếng Mông (Số lượng 40 người; Đối tượng: CBCCVC cấp huyện, cấp xã; 01 lớp; Thời gian: 114 buổi (38 tuần, học ngoài giờ hành chính, 03 buổi tối/tuần)/lớp; Địa điểm: Tổ chức tại huyện): Thù lao giảng viên; ăn, nghỉ, đi lại giảng viên; tiền dịch vụ vệ sinh, điện, nước phòng học; trang trí khánh tiết, văn phòng phẩm, nước uống; chấm thi, coi thi chứng chỉ.		415	415								
	- Kinh phí tổ chức đào tạo tiếng Tày: Số lượng 80 người; chia thành 2 lớp; Đối tượng: CBCCVC cấp huyện, cấp xã; 01 lớp; Thời gian: 114 buổi (38 tuần, học ngoài giờ hành chính, 03 buổi tối/tuần)/lớp; Địa điểm: Tổ chức tại huyện, thị xã, TP trong tỉnh		917	917								
	4. Các nội dung khác thực hiện tiểu dự án 2	Sở Nội vụ	43	43								
	5 Kinh phí đào tạo ĐH, dự bị ĐH, Cử tuyển	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.604	4.604								
b	**Giao dự toán cho UBND cấp huyện**		**3.884**	**3.884**	-	-	-	-				
		UBND Huyện Si Ma Cai	284	284								
		UBND Huyện Bắc Hà	586	586								
		UBND Huyện Mường Khương	516	516								
		UBND Huyện Bát Xát	643	643								
		UBND TX Sa Pa	516	516								
		UBND Văn Bàn	608	608								
		UBND Huyện Bảo Yên	464	464								
		UBND Huyện Bảo Thắng	188	188								
		UBND TP Lào Cai	79	79								
c	**Dự toán chưa phân bổ**		**4.633**	**4.633**								
3	**Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.**		**73.791**	**73.791**	-	-	-					
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**44.275**	**44.275**								
	1. Đào tạo nghề cho người lao động - Sở Lao động TBXH thực hiện	Sở Lao động TBXH	730	730								
	2. Hỗ trợ việc làm bền vững		1.270	1.270								
	- Kinh phí tổ chức 04 lớp tập huấn nghiệp vụ, tư vấn định hướng học nghề - Giới thiệu việc làm cho cán bộ LĐTBXH các cấp, cán bộ tổ chức hội đoàn thể, tổ trưởng, trưởng các thôn bản tại 04 huyện (Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Sa Pa) cho khoảng 700 người: 05 lớp x 140 người/lớp.	Sở Lao động TBXH	180	180								

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	- Công tác phí tham gia tập huấn tại Trung ương; giám sát, đánh giá, kiểm tra về công tác đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm bền vững	Sở Lao động TBXH	95	95								
	- Kinh phí in tờ rơi thông tin các đơn hàng tuyển dụng lao động trong tỉnh, ngoài tỉnh, XKLĐ, phát cho các phòng LĐTBXH các huyện, TP, UBND các xã tại 9 huyện TP	Sở Lao động TBXH (Trung tâm Dịch vụ việc làm)	96	96								
	- Kinh phí in Tờ rơi tuyên truyền quảng bá Sàn giao dịch và tìm kiếm các kênh thông tin trực tiếp và gián tiếp tuyển dụng lao động an toàn:	Sở Lao động TBXH (Trung tâm Dịch vụ việc làm)	45	45								
	- Kinh phí in Băng zôn tuyên truyền: Thông báo tuyển dụng các đơn hàng thường xuyên về lao động	Sở Lao động TBXH (Trung tâm Dịch vụ việc làm)	90	90								
	- Kinh phí xuất bản Sổ tay in ấn phẩm về thông tin thị trường lao động việc làm	Sở Lao động TBXH (Trung tâm Dịch vụ việc làm)	90	90								
	- Kinh phí tổ chức phiên giao dịch việc làm kết nối việc làm cho người lao động (Thực hiện toàn tỉnh) Địa điểm: Toàn tỉnh	Sở Lao động TBXH (Trung tâm Dịch vụ việc làm)	284	284								
	- Kinh phí tổ chức 20 Hội nghị tư vấn, GTVL cho đối tượng học sinh lớp 12 tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Sở Lao động TBXH (Trung tâm Dịch vụ việc làm)	240	240								
	- Kinh phí tổ chức tập huấn, trang bị kỹ năng cho người lao động trước khi đi làm việc	Sở Lao động TBXH (Trung tâm Dịch vụ việc làm)	100	100								
	Kinh phí thực hiện giới thiệu việc làm cho lao động thực hiện thông qua cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm theo định mức hỗ trợ (có giao kết hợp đồng lao động hoặc xác nhận của người sử dụng lao động đối với lao động giúp việc gia đình).	Sở Lao động TBXH (Trung tâm Dịch vụ việc làm)	50	50								
	3. Xuất khẩu lao động - Sở Lao động TBXH thực hiện	Sở Lao động TBXH	500	500								
	4. Kinh phí đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục PTNT)	2.000	2.000								
	5. Kinh phí thực hiện tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Biên soạn chương trình giáo trình, tài liệu đào tạo; Mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo; Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Trường Cao đẳng Lào Cai	39.775	39.775								
b	**Cấp huyện**		**29.516**	**29.516**	-	-	-	-				

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
		UBND Huyện Si Ma Cai	2.073	2.073								
		UBND Huyện Bắc Hà	2.925	2.925								
		UBND Huyện Mường Khương	2.392	2.392								
		UBND Huyện Bát Xát	3.969	3.969								
		UBND TX Sa Pa	3.053	3.053								
		UBND Văn Bàn	3.522	3.522								
		UBND Huyện Bảo Yên	3.058	3.058								
		UBND Huyện Bảo Thắng	3.202	3.202								
		UBND TP Lào Cai	5.322	5.322								
4	**Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.**		**16.719**	**16.719**	-	-	-					
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**5.560**	**5.560**								
	1. Kinh phí tổ chức tập huấn cho công chức huyện, xã:	Ban Dân tộc	1.086	1.086								
	2. Kinh phí tổ chức tập huấn cho cộng đồng người dân	Ban Dân tộc	3.447	3.447								
	3. Kinh phí tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh	Ban Dân tộc	467	467								
	4. Kinh phí tổ chức các lớp tập huấn về trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức, triển khai dự án hỗ trợ PTSX theo chuỗi giá trị; công tác sắp xếp dân cư ở khu vực nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT (chi cục PTNT)	560	560								
b	**Cấp huyện**		**11.159**	**11.159**	-	-	-	-				
		UBND Huyện Si Ma Cai	792	792								
		UBND Huyện Bắc Hà	1.810	1.810								
		UBND Huyện Mường Khương	1.598	1.598								
		UBND Huyện Bát Xát	1.867	1.867								
		UBND TX Sa Pa	1.598	1.598								
		UBND Văn Bàn	1.683	1.683								
		UBND Huyện Bảo Yên	1.259	1.259								
		UBND Huyện Bảo Thắng	467	467								

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
		UBND TP Lào Cai	85	85								
VI	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**		**14.755**	**-**	**-**	**14.755**	**-**				**5.000**	
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**5.820**			**5.820**						
	1. Nội dung số 02: Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS	Sở Văn hóa và Thể thao	950			950						
	2. Nội dung số 11: Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS cấp phát cho cộng đồng các DTTS		1.000			1.000						
	3. Nội dung số 16: Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS		450			450						
	4. Nội dung số 18: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN.		2.520			2.520						
	5. Nội dung số 05: Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể		400			400						
	6. Nội dung số 14: Hỗ trợ truyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hoá truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các xã vùng đồng bào DTTS	Sở Du lịch	500			500						
b	**Cấp huyện**		**8.935**	**-**	**-**	**8.935**	**-**	**-**				
		UBND Huyện Si Ma Cai	912			912						
		UBND Huyện Bắc Hà	995			995						
		UBND Huyện Mường Khương	1.231			1.231						
		UBND Huyện Bát Xát	1.064			1.064						
		UBND TX Sa Pa	1.444			1.444						
		UBND Văn Bàn	1.003			1.003						
		UBND Huyện Bảo Yên	1.048			1.048						
		UBND Huyện Bảo Thắng	463			463						

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
		UBND TP Lào Cai	775			775						
VII	**Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**		**10.784**	-	**10.784**	-	-					
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**3.445**		**3.445**							
	1. Chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số	Sở Y tế	1.474		1.474							
	a. Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế/người cung cấp dịch vụ tại các tuyến về chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời - Mục 2.1 - PL3 QĐ2415, các lớp tập huấn:		252		252							
	- Quản lý và điều trị trẻ suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng; dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời; Công tác quản lý số liệu, thống kê báo cáo... cho cán bộ y tế trực tiếp triển khai chương trình tại Tại TP Lào Cai (06 lớp, 20 học viên/lớp; thời gian 05 ngày)		198		198							
	- Triển khai và sử dụng phần mềm anthroo (phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ từ 0 - 16 tuổi)... cho cán bộ y tế trực tiếp triển khai chương trình (Tại TP Lào Cai ; 01 lớp; Thời gian: 2 ngày/lớp, 25 học viên là cán bộ phụ trách chương trình tuyến huyện, xã)		15		15							
	- Công tác quản lý, thống kê, báo cáo số liệu chương trình ... cho cán bộ y tế trực tiếp triển khai chương trình (Tại TP Lào Cai, 01 lớp, 02 ngày, 25 học viên là cán bộ phụ trách chương trình tuyến huyện, xã)		15		15							
	- Công tác phí tham gia các lớp tập huấn của trung ương: 04 người, 05 ngày, 02 lớp		24		24							
	b. Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng		989		989							
	- Khám sàng lọc toàn bộ trẻ từ 0-72 tháng tuổi tại các thôn đặc biệt khó khăn thuộc các xã Dân tộc thiểu số (ưu tiên 22 xã xây dựng mô hình mới năm 2023) nhằm phát hiện trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính để tiếp nhận vào điều trị theo quyết định số 4487/QĐ-BYT - Mục 2.3,3 PL3 QĐ2415		123		123							
	- Mua sản phẩm điều trị cho trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng (ước có: 175 trẻ x 150 gói/ trẻ (13,8 kg/trẻ/liệu trình)		866		866							

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	c. Theo dõi, giám sát hỗ trợ và báo cáo công tác chăm sóc sức khoẻ, dinh dưỡng bà mẹ trẻ em		233		233							
	- Giám sát, hỗ trợ, đánh giá tiến độ và kết quả triển khai hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng; quản lý và điều trị trẻ suy dinh dưỡng cấp tính; bổ sung đa vi chất cho phụ nữ mang thai ... tại 97 xã dân tộc thiểu số (hỗ trợ theo hình thức cầm tay chỉ việc nhằm hướng dẫn bà mẹ/người trực tiếp chăm sóc trẻ, cán bộ y tế, y tế thôn bản về kỹ năng sử dụng các thực phẩm sẵn có trong nhà để nấu cho trẻ 1 bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng; hướng dẫn điều trị trẻ suy dinh dưỡng cấp tính bằng sản phẩm điều trị tại hộ gia đình)		106		106							
	- Theo dõi, đánh giá hàng năm tình trạng dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi và bà mẹ: Tổ chức điều tra 30 cụm theo hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật của Viện Dinh dưỡng		127		127							
	2. Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em	Sở Y tế	680		680							
	a. Nâng cao năng lực về kiến thức, kỹ năng làm mẹ an toàn chăm sóc sức khỏe BM và TE cho CBYT để thực hiện gói dịch vụ can thiệp nhằm giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh.		482		482							
	- Công tác phí tham gia hội nghị, hội thảo; Tập huấn tại Trung ương		71		71							
	- Triển khai tập huấn tại tỉnh		280		280							
	+ Hướng dẫn về hệ thống ghi chép báo cáo (Thời gian: 03 ngày; tại TP Lào Cai; 25 học viên là CBYT tuyến huyện, xã (01 lớp cho CB tuyến huyện, 02 lớp cho 70 xã khu vực 3)		62		62							
	+ Công tác xét nghiệm protein niệu, sàng lọc HIV, viêm gan B, giang mai (ưu tiên cho các xã khu vực vùng III) tại TP.Lào Cai, thời gian 03 ngày, 23 người là cán bộ trạm y tế xã		77		77							
	+ Thực hiện chăm sóc trước, trong và sau sinh cho bà mẹ và trẻ sơ sinh (Thực hành) Thời gian: 05 ngày; tại TP Lào Cai; 25 học viên là CBYT tuyến tỉnh, huyện, xã		106		106							
	+ Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến tỉnh, huyện về khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi Thời gian: 05 ngày; tại TP Lào Cai; 20 người là cán bộ y tế của Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản nhi, Bệnh viện đa khoa huyện/TP, thị xã; Trung tâm Y tế các huyện/TP, thị xã.		35		35							
	- Chuyên môn, kỹ thuật triển khai can thiệp sức khỏe sinh sản		63		63							

TT	Nội dung tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi ch
	+ Hội nghị hướng dẫn triển khai các nội dung về chăm sóc sức khoẻ bà mẹ trẻ em Thời gian: 01 ngày; Địa điểm: TP Lào Cai; Số lượng: 30 đại biểu (SYT, CDC, TTYT huyện, tp, thị xã)		7		7							
	+ Hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn cho tuyến xã thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khoẻ bà mẹ trẻ em: 7 huyện mỗi huyện 03 xã, công tác phí đi huyện triển khai (3 người x 4 ngày/huyện x 7 huyện)		40		40							
	+ Tổ chức thẩm định các trường hợp tử vong mẹ: Công tác phí đi huyện thẩm định (4 người/đợt, dự kiến 3 đợt/năm)		16		16							
	- Theo dõi, giám sát hỗ trợ và báo cáo công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản bà mẹ trẻ em: Công tác phí kiểm tra giám sát (3 người x 2 ngày/huyện x 9 huyện, TP x 3 lần/năm)		68		68							
	b. Các hoạt động truyền thông:		198		198							
	-10 phóng sự khoa giáo phổ biến kiến thức, phóng sự tài liệu về DD, CSSKSS vị thành niên trên sóng phát thanh truyền hình (nhuận bút, công tác phí làm phóng sự, chi phí truyền dẫn phát sóng) 10 bài viết tuyền truyên báo (nhuận bút + chi phí đăng tải)		92		92							
	- Hội nghị nâng cao kiến thức, kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi cho cán bộ y tế làm công tác truyền thông(30 học viên/lớp, 02 lớp học viên là cán bộ y tê, truyền thông của TTYT, BV tuyến tỉnh, BV huyện)		40		40							
	- In/nhân bản áp phích chủ đề PCSDD/CSSKSS Vị thành niên (Theo mẫu trung ương cấp): 2000 tờ áp phích		50		50							
	- Hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật hoạt động truyền thông tại các huyện/thị xã: Công tác phí đi huyện (02 người x 2 ngày x 9 huyện)		16		16							
	3. Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Y tế	1.136		1.136							
	a. Hỗ trợ cung cấp dịch vụ tầm soát, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: Sàng lọc sơ sinh (dự kiến 2.807 ca) cho đối tượng người dân tộc thiểu số ở khu vực III		783		783							
	b. Chăm sóc và nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số: Nhân bản cẩm nang hướng dẫn người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe tại gia đình 2.000 quyển		70		70							
	c. Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới		173		173							

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	- Tuyên truyền phát động hưởng ứng ngày dân số thế giới 11/7, ngày dân số Việt nam 26/12, tháng hành động quốc gia về dân số hàng năm: Băng zôn tuyên truyền (48 cái)		24		24							
	- Bản tin dân số (02 số x 1.000 cuốn/số); tuyên truyền trên báo điện tử Lài Cai (05 bài); Báo sức khỏe và đời sống (02bài trên 2 số đặc biệt)		94		94							
	- Tổ chức Hội thi "Tìm hiểu kiến thức về CSSKSS vị thành niên, thanh niên"tại trường Cao đẳng Lào Cai, THPT số 3, số 4 TP Lào Cai		30		30							
	- Tuyên truyền về nâng cao chất lượng dân số (sàng lọc trước sinh, sơ sinh, tư vấn khám sức khỏe trước kết hôn, giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết) tại 10 xã (10 buổi): maket, thù lao báo cáo viên, công tác phí cho báo cáo viên		25		25							
	d. Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và tư vấn		31		31							
	- Hội nghị triểm khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023, 01 ngày tại thành phố Lào Cai, 70 người, thành phần bao gồm: Trung tâm Y tế, Bệnh viện các huyện, thị xã, TP; Các bệnh viện tuyến tỉnh; Trung tâm kiểm soát bệnh tật; Sở Y tế; Chi cục Dân số		10		10							
	- Tổ chức 01 lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh theo Theo Quyết định số 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ y tế về việc ban hành danh mục một số bệnh, tật bẩm sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh thuộc gói dịch vụ cơ bản cho 50 học viên là cán bộ y tế tham gia tổ chức thực hiện chương trình sàng lọc trước sinh, sơ sinh tuyến tỉnh, huyện		21		21							
	d. Công tác phí kiểm tra, giám sát: 5 người x 3 ngày x 9 huyện		79		79							
	4. Các hoạt động phát sinh trong năm	Sở Y tế	155		155							
b	**Cấp huyện**		**7.339**	-	**7.339**	-	-	-				
		UBND Huyện Si Ma Cai	537		537							
		UBND Huyện Bắc Hà	1.107		1.107							
		UBND Huyện Mường Khương	975		975							
		UBND Huyện Bát Xát	1.215		1.215							

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi ch
		UBND TX Sa Pa	975		975							
		UBND Văn Bàn	1.149		1.149							
		UBND Huyện Bảo Yên	876		876							
		UBND Huyện Bảo Thắng	355		355							
		UBND TP Lào Cai	150		150							
VIII	**Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**		**26.570**	-	-	-	-	**26.570**				
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**13.285**					**13.285**				
	1. Các nội dung do Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh thực hiện:	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	10.815					10.815				
	1.1. Tổ chức hội nghị Tập huấn hướng dẫn vận hành, củng cố năng lực triển khai mô hình tổ truyền thông theo Sổ tay hướng dẫn truyền thông cho cấp huyện và 02 xã điểm		143					143				
	1.2. Xây dựng chương trình truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng tại địa phương		3.180					3.180				
	1.3. Tổ chức Hội thi các mô hình sáng tạo và hiệu quả thay đổi nếp nghĩ, cách làm" trong xóa bỏ định kiến giới, phòng chống bạo lực gia đình và tổ chức đưa đoàn tham dự hội thi cấp TW		1.500					1.500				
	1.4. Tổ chức liên hoan các mô hình sáng tạp và hiệu quả trong truyền thông phòng chống mua bán phụ nữ và trẻ em		300					300				
	1.5. Thực hiện công tác giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong chương trình MTQG DTTS&MN		800					800				
	1.6. Kinh phí tham dự thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi tại trường học trong thôn bản		60					60				
	1.7. Tập huấn về cách thức vận hành CLB thủ lĩnh theo sổ tay hướng dẫn của TW Hội cho cấp huyện và 02 xã điểm của tỉnh		145					145				
	1.8. Xây dựng báo cáo hàng năm và đột xuất, chi phí hành chính, văn phòng phẩm		50					50				
	1.9. Tổ chức hội nghị sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm triển khai thực hiện Dự án 8 và thực hiện bình đẳng giới trong chương trình MTQG có sự tham gia của các cấp và các ngành liên quan tại địa phương		100					100				

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	1.10. Tổ chức tập huấn cho cán bộ cấp huyện, cấp xã theo chương trình 2 về phát triển năng lực LGG		700					700				
	1.11. Tổ chức tập huấn theo chương trình 3 về phát triển năng lực LGG cho cộng đồng, gồm: cán bộ thôn bản, người có uy tín trong thôn		800					800				
	1.12. Tổ chức tập huấn hướng dẫn giám sát và đánh giá về bình đẳng giới cho cán bộ xã, thôn		1.000					1.000				
	1.13. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ nữ DTTS cấp huyện, cấp xã gồm cán bộ nữ trong quy hoạch		140					140				
	1.14. Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm cho cán bộ nữ người DTTS trong quy hoạch vào vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị cấp xã và huyện		300					300				
	1.15. Xây dựng, in ấn các ấn phẩm truyền thông		300					300				
	1.16. Hỗ trợ thí điểm mô hình sinh kế do phụ nữ làm chủ (tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ) ứng dụng công nghệ 4.0 để quảng bá, phát triển các sản phẩm bản địa, cải thiện sản xuất, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, kết nối thị trường: hỗ trợ thực tế 100 triệu/mô hình		500					500				
	1.17. Tổ chức tập huấn hướng dẫn củng cố/thành lập và vận hành tổ TKVVTB theo hướng dẫn của Trung ương		150					150				
	1.18. Kinh phí xây dựng mô hình điểm củng cố, nâng cao chất lượng mô hình hiện có /hoặc thành lập mới và duy trì mô hình Tổ tiết kiệm vay vốn thôn bản; Công tác phí cho cán bộ tỉnh tham dự thành lập Tổ TKVVTB		100					100				
	1.19. Tổ chức tập huấn hướng dẫn cho chủ ĐCTC, cán bộ hội các cấp về vận hành mô hình và phương pháp hỗ trợ nạn nhân trên cơ sở hướng dẫn của TW Hội LHPN Việt Nam		40					40				
	1.20. Tổ chức hướng dẫn giám sát, đánh giá về bình đẳng giới trong thực hiện chương trình MTQG		207					207				
	1.21. Thực hiện giám sát xã hội các hoạt động theo chủ đề/vấn đề từng năm		300					300				
	2. Tuyên truyền nâng cao kiến thức kỹ năng phòng, chống bạo lực gia đình và xâm hại trẻ em vùng đồng bào DTTS; Tuyên truyền nâng cao kiến thức kỹ năng phòng, chống bạo lực gia đình và xâm hại trẻ em vùng đồng bào DTTS; Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ xã; cán bộ thôn, bản, người có uy tín	Ban Dân tộc	1.100					1.100				

TT	Nội dung tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	3. Các nội dung do ngành Lao động Thương binh và Xã hội thực hiện	Sở Lao động TBXH	1.370					1.370				
	3.1. Nội dung số 01: Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em		207					207				
	- Tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới		105					105				
	- Tổ chức Hội nghị Tọa đàm gặp mặt người có uy tín trong cộng đồng làm tốt công tác hòa giải, truyền thông về bình đẳng giới, phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.		102					102				
	3.2. Nội dung số 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em		68					68				
	Xây dựng mô hình phòng chống bạo lực trên cơ sở giới (Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch và lấy ý kiến của đại biểu về phương pháp và kỹ thuật triển khai mô hình; Tổ chức tập huấn nâng cáo năng lực; Tổ chức 01 buổi truyền thông tại xã triển khai mô hình)		68					68				
	3.3. Nội dung số 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.		894					894				
	- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền Luật Trẻ em thúc đẩy đủ về quyền tham gia của trẻ em; các hoạt động đảm bảo tiếng nói của trẻ em vào các vấn đề của trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (Tổ chức tại 18 các trường tiểu học, THCS trên địa bàn tỉnh Lào Cai)		234					234				
	- Đảm bảo tiếng nói và vai trò của trẻ em gái trong phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng thông qua Duy trì mô hình CLB "Thủ lĩnh của sự thay đổi" tại xã Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai		52					52				
	- Thành lập mô hình 4 CLB "Thủ lĩnh của sự thay đổi" tại xã thuộc huyện Bát Xát, Bắc Hà tỉnh Lào Cai		88					88				
	- Hoạt động giám sát và đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong CTMTQG DTTS&MN: Điều tra, khảo sát về BĐG và bạo lực giới		520					520				
	3.4. Nội dung số 04: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.		201					201				

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	- Tổ chức 02 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở, cán bộ cộng tác viên thôn bản về các kiến thức Bình đẳng giới, lồng ghép giới, phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.02 lớp mỗi lớp 01 ngày x 100 đại biểu; tổ chức tại thành phố Lào Cai)		201					201				
b	**Cấp huyện**		**13.285**	-	-	-	-	**13.285**				
		UBND Huyện Si Ma Cai	901					901				
		UBND Huyện Bắc Hà	2.088					2.088				
		UBND Huyện Mường Khương	1.873					1.873				
		UBND Huyện Bát Xát	2.131					2.131				
		UBND TX Sa Pa	1.802					1.802				
		UBND Văn Bàn	1.973					1.973				
		UBND Huyện Bảo Yên	1.544					1.544				
		UBND Huyện Bảo Thắng	801					801				
		UBND TP Lào Cai	172					172				
I X	**Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**		**58.774**	-	**21.080**	**10.540**	**21.080**	**6.074**				
1	**Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù**		**52.700**		**21.080**	**10.540**	**21.080**					
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**2.000**			**2.000**						
	1. Kinh phí tổ chức lớp học tiếng dân tộc theo hình thức truyền khẩu, lớp học truyền dạy văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc tại thôn, bản.	Ban Dân tộc	2.000			2.000						
b	**Cấp huyện**		**4.870**	-	**1.150**	**240**	**3.480**					
		UBND Huyện Mường Khương	4.870		1.150	240	3.480					
c	**Chưa phân bổ**		**45.830**		**19.930**	**8.300**	**17.600**					
2	**Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**		**6.074**	-	-	-	-	**6.074**				
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**3.037**					**3.037**				
	1. Các Nội dung do Ban Dân tộc thực hiện:	Ban Dân tộc	1.247					1.247				

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	Sổ tay hướng dẫn Hỏi - đáp tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống gắn với bình đẳng giới, bạo lực giới và cải tạo phong tục tập quán trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số		275					275				
	Tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số về nâng cao nhận thức thay đổi hành vi trong hôn nhân và gia đình; cải tạo tập quán lạc hậu trong việc cưới, việc tang		427					427				
	Nâng cao nhận thức cho người dân về kết hôn tảo hôn, kết hôn cận huyết thống nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng ĐBDTTS. Hỗ trợ tư vấn trợ giúp pháp lý tại mô hình điểm		216					216				
	Cải tạo tập quán lạc hậu trong việc cưới việc tang trong đời sống dân tộc Giáy, Mông, Nùng		177					177				
	Kinh phí tổ chức đoàn công tác đi thăm quan học tập kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật cho đội ngũ CBCC làm công tác dân tộc, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại tỉnh Phú thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội (đoàn dành cho CB cấp huyện và một số xã tiêu biểu)		152					152				
	2. Xây dựng mô hình can thiệp làm giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	Sở Giáo dục và Đào tạo	200					200				
	3. Hội nghị tăng cường nâng cao nhận thức và kỹ năng mềm cho đoàn viên thanh niên tham gia tuyên truyền, vận động về phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; Ra mắt mô hình mới thuộc huyện Bát Xát (xã Sàng Ma Sáo, A Lù); Duy trì hoạt động 4 mô hình tại xã Điện Quan, xã Xuân Thượng thuộc huyện Bảo Yên; Sàng Ma Sáo, A Lù thuộc huyện Bát Xát	Tỉnh đoàn Lào Cai	200					200				
	4. Kinh phí xây dựng 2 mô hình can thiệp giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Sở Văn hóa và Thể thao	180					180				
		BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	360					360				
		Công an tỉnh	150					150				
	6. Tổ chức hội nghị tập huấn kiến thức phòng chống tảo hôn, hôn nhân cân huyệt thống; Hội nghị chia sẻ kiến thức về tiền hôn nhân cho nữ thanh thiếu niên; Duy trì sinh hoạt các mô hình; Sơ kết thực hiện mô hình	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	150					150				
	7. Kinh phí kiểm tra, giám sát về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Văn phòng Tỉnh uỷ (Ban Dân vận Tỉnh ủy)	50					50				

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	8. Hội nghị Tuyên truyền hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Địa điểm: huyện Bắc Hà	Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh	50					50				
	9. Triển khai các hoạt động Mô hình điểm can thiệp làm giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai tại 02 xã Lùng Cải và Tả Củ Tỷ của huyện Bắc Hà	Sở Y tế	150					150				
	- Tổ chức hội nghị cho các thành viên Ban chỉ đạo và Tổ tư vấn thôn, bản: triển khai nhiệm vụ, đánh giá kết quả thực hiện năm trước, phương hướng nhiệm vụ năm 2023: 35 người/hội nghị; 02 hội nghị/năm		11					11				
	- Tổ chức hội nghị tuyên truyền pháp luật và truyền thông về phòng chống tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cho người tham gia sinh hoạt Mô hình: 100 người/hội nghị; 02 hội nghị/năm (maket, nước uống, tài liệu, văn phòng phẩm, điện nước hội trường, chi phí cho báo cáo viên (thù lao, công tác phí)		45					45				
	- Tổ chức sinh hoạt cho người tham gia Mô hình: maket, nước uống, thù lao báo cáo viên		25					25				
	- Hội nghị tuyên truyền pháp luật và truyền thông về phòng chống tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cho nhóm phụ nữ và nam giới người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù tảo hôn, kết hôn cận huyết thống; nhóm vị thành niên, thanh niên là người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù tại 02 xã Bản Liên, Thái Giàng Phố		43					43				
	- Các hoạt động phát sinh khác		26					26				
	3. Triển khai Mô hình phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại 02 xã lựa chọn làm mô hình điểm từ năm 2022	Sở Tư pháp	145					145				
	4. Chi biên soạn hỏi đáp pháp luật về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	Sở Tư pháp	29					29				
	5. Thực hiện tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở	Sở Tư pháp	28					28				
	6. Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn huyện Bảo Thắng	Sở Tư pháp	88					88				
	7. Các nội dung khác thực hiện Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và MN	Sở Tư pháp	10					10				
b	**Cấp huyện**		**3.037**	-	-	-	-	**3.037**				
		UBND Huyện Si Ma Cai	767					767				
		UBND Huyện Bắc Hà	529					529				

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
		UBND Huyện Mường Khương	238					238				
		UBND Huyện Bát Xát	397					397				
		UBND TX Sa Pa	463					463				
		UBND Văn Bàn	288					288				
		UBND Huyện Bảo Yên	219					219				
		UBND Huyện Bảo Thắng	82					82				
		UBND TP Lào Cai	54					54				
X	**Dự án 10 : Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**		**20.265**	**-**	**-**	**16.307**	**3.958**	**-**				
1	**Tiểu dự án 1:Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.**		**14.065**	**-**	**-**	**14.065**	**-**	**-**				
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**8.170**			**8.170**						
	1. Nội dung 1, Người có uy tín: Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS; Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người có uý tín các xã biên giới theo Kế hoạch số 134/KH uỷ ban nhân dân tỉnh; Biểu dương người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh; Tham quan giao lưu học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh đối với người có uy tín; Thăm hỏi người uy tín ốm đau; Thăm hỏi gia đình người có uy tín gặp khó khăn; Thăm viếng người có uy tín thân nhân người có uy tín chết ; Tiếp các Đoàn người có uy tín các tỉnh bạn đến thăm Ban Dân tộc; Đón người có uy tín các huyện đến thăm các cơ quan tỉnh	Ban Dân tộc	1.141			1.141						
	2. Kinh phí cấp báo cho người có uy tín: Cấp báo Dân tộc và Phát triển cho người có uy tín trong đồng bào DTTS; Cấp báo, tạp chí của địa phương Lào Cai cho người có uy tín trên địa bàn tỉnh		1.049			1.049						

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	3. Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật: Tuyên truyền các chính sách dân tộc và kết quả thực hiện CSDT, gương người tốt việc tốt trong chấp hành và thực hiện pháp luật, CSDT gắn với tuyên truyền vận động đồng bào cảnh giác trước âm mưu lợi dụng vấn đề DT để chống phá Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đoàn kết dân tộc; Tuyên truyền các chủ trương, chính sách dân tộc mới ban hành, mục tiêu, nhiệm vụ, mô hình, cách làm hay; Tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật dành cho đồng bào dân tộc thiểu số; Nâng cao nhận thức cho người dân về kết hôn tảo hôn, kết hôn cận huyết thống nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng ĐBDTTS; Hỗ trợ tư vấn trợ giúp pháp lý tại mô hình điểm	Ban Dân tộc	1.100			1.100						
	3. Nội dung 2 Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật: Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Sở Thông tin Truyền thông	1.650			1.650						
	4. Kinh phí tổ chức hội nghị phổ biến kiến thức và tập huấn kỹ năng phổ biến văn bản mới về chính sách pháp luật dành cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn (HN cấp tỉnh)	Sở Tư pháp	34			34						
	5. Kinh phí tổ chức hội nghị phổ biến kiến thức và tập huấn kỹ năng phổ biến pháp luật cho các trưởng thôn tại 03 huyện: Si Ma Cai, Sa Pa, Văn Bàn	Sở Tư pháp	144			144						
	6. Kinh phí thực hiện chỉ đạo điểm tổ chức Hội nghị phổ biến chính sách pháp luật dành cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn tại 03 xã/03 huyện: Si Ma Cai, Sa Pa, Văn Bàn	Sở Tư pháp	41			41						
	7. Kinh phí tổ chức cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật dành cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng đặc biệt khó khăn	Sở Tư pháp	94			94						
	8. Kinh phí xây dựng tiểu phẩm pháp luật tuyên truyền các chính sách pháp luật dành cho đồng bào dân tộc thiểu số để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	90			90						
	9. Kinh phí biên soạn, in ấn, cấp phát tài liệu tìm hiểu pháp luật dành cho đồng bào dân tộc thiểu số (tờ gấp/tài liệu hỏi – đáp/ tình huống pháp luật,…)	Sở Tư pháp	3			3						
	10. Kinh phí biên soạn Sổ tay công tác hòa giải ở cơ sở (gồm các tình huống pháp luật)	Sở Tư pháp	44			44						
	11. Kinh phí tổ chức Hội nghị Tuyên truyền, vận động tín đồ theo đạo Công giáo, Phật giáo và Tin lành là đồng bào dân tộc thiểu số về nâng cao cảnh giác trước âm mưu lợi dụng truyền đạo trái pháp luật để chống phá Đảng, Nhà nước thuộc huyện Bảo Thắng, Bát Xát, Văn Bàn, Bắc Hà, Bảo Yên, Mường Khương và thị xã Sa Pa (Quy mô, số lượng đại biểu: 700 người/7 hội nghị);	Ban Tôn giáo tỉnh	364			364						

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	12. Các nội dung khác thực hiện: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo trật tự vùng ĐB DTTS và MN	Ban Tôn giáo tỉnh	36			36						
	13. Kinh phí tổ chức tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho già làng, trưởng bản, người có uy tín trong công đồng của 70 xã khu vực III theo QĐ 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021, và 130 thôn đặc biệt khó khăn khu vực I, II tại QĐ 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021; tổ chức 4 lớp; 60 người /lớp, 2 ngày/ lớp, tổ chức tại các huyện: Bắc Hà, Bảo Yên, Sa Pa, Văn Bàn	Sở Tư pháp (Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh)	132			132						
	14. Kinh phí thực hiện Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (tổ chức các đợt truyền thông). Đối tượng: là đồng bào dân tộc thiểu số của 70 xã nghèo khu vực III theo QĐ 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và 16 xã khu vực II theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 . Nội dung: Tuyên truyền về Luật trợ giúp pháp lý và giải đáp các vướng mắc của người dân về các chế độ, chính sách liên quan đến pháp luật	Sở Tư pháp (Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh)	368			368						
	15. Kinh phí liên hoan tuyên truyền viên giỏi trong tuyên truyền phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong tuyên truyền vận động đoàn viên thanh niên và nhân dân phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết; Hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận đoàn viên thanh niên và nhân dân ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo trật tự vùng ĐB DTTS và MN; Kiểm tra, giám sát, đánh giá	Tỉnh đoàn Lào Cai	500			500						
	16. Hội nghị tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào các Dân tộc thiểu số & Miền núi. Địa điểm: Tại huyện Bắc Hà, Bát Xát, Mường Khương, Văn Bàn và Bảo Yên.	Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh	250			250						
	17.Tuyên truyền trực tiếp cho người có uy tín, trưởng thôn, Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận và chi hội các Tổ chức Chính trị - xã hội cải tạo tập quán lạc hậu trong việc cưới, việc tang, lễ hội và trong sinh hoạt đời sống	Văn phòng Tỉnh uỷ (Ban Dân vận Tỉnh ủy)	200			200						
	18. Tổ chức hội nghị tuyên truyền nhiệm vụ, yêu cầu về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch hiện nay	Văn phòng Tỉnh ủy (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)	200			200						
		BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	630			630						

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
	19. Hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS và MN	Hội Nông dân tỉnh	100			100						
b	**Cấp huyện**		**5.895**	-	-	**5.895**	-	-				
		UBND Huyện Si Ma Cai	427			427						
		UBND Huyện Bắc Hà	812			812						
		UBND Huyện Mường Khương	683			683						
		UBND Huyện Bát Xát	897			897						
		UBND TX Sa Pa	641			641						
		UBND Văn Bàn	940			940						
		UBND Huyện Bảo Yên	726			726						
		UBND Huyện Bảo Thắng	513			513						
		UBND TP Lào Cai	256			256						
2	**Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**		**2.242**			**2.242**						
*	Chưa phân bổ		2.242			2.242						
3	**Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.**		**3.958**	-	-	-	**3.958**	-				
a	**Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh**		**2.031**				**2.031**					
		Ban Dân tộc	500				500					
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	150				150					
		Sở Tài Chính	150				150					
		Sở Nông nghiệp và PTNT(Chi cục PTNT)	161				161					
		Văn phòng Tỉnh uỷ (Ban Dân vận Tỉnh ủy)	100				100					
		Văn phòng UBND tỉnh	100				100					
		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	50				50					
		Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng	60				60					
		Sở Giáo dục và Đào tạo	100				100					

TT	Nội dung/tiểu dự án/dự án	Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí	Tổng vốn NSTW	Sự nghiệp giáo dục, ĐT, DN	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp kinh kế	Sự nghiệp đảm bảo XH	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Vốn huy động cộng đồng đóng góp	Vốn vay tín dụng	Ghi chú
		Sở Văn hóa và Thể thao	100				100					
		Sở Du lịch	50				50					
		Sở Thông tin Truyền thông	50				50					
		Sở Y tế	100				100					
		Sở Tài nguyên Môi trường	30				30					
		Sở nội vụ	50				50					
		Sở Tư pháp	50				50					
		Uỷ ban MTTQ Việt Nam tỉnh	150				150					
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	80				80					
b	**Cấp huyện**		**1.927**	**-**	**-**	**-**	**1.927**	**-**				
		UBND Huyện Si Ma Cai	142				142					
		UBND Huyện Bắc Hà	299				299					
		UBND Huyện Mường Khương	266				266					
		UBND Huyện Bát Xát	327				327					
		UBND TX Sa Pa	266				266					
		UBND Văn Bàn	299				299					
		UBND Huyện Bảo Yên	223				223					
		UBND Huyện Bảo Thắng	76				76					
		UBND TP Lào Cai	29				29					

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH DANH MỤC DỰ ÁN THỰC HIỆN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

Nguồn vốn: Thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi

Đơn vị: Cơ quan đơn vị cấp tỉnh

(Kèm theo Kế hoạch số 131 KH-UBND ngày 09 3 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án (công trình)	Địa điểm xây dựng (	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Quyết định đầu tư, quyết toán được duyệt						Lũy kế vốn NSNN đã bố trí đến hết năm 2022				Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025				Dự kiến Kế hoạch nguồn vốn NSNN năm 2023				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó				
						Tổng số	Trong đó:					NSTW	NS tỉnh	NS huyện		Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	Vốn NS huyện		Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	Vốn NS huyện		
							Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	Vốn NS huyện	Huy động khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG CỘNG	**7**		**TS: 07 Ct trong đó 3 CT trường học; 01 CT hỗ trợ bảo tồn; 03 CT điểm du lịch**		**35.178**	**35.178**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**35.178**	**35.178**	**0**	**0**	**12.342**	**12.342**	**0**	**0**		
a)	***Công trình chuyển tiếp***																							
b)	***Công trình khởi công mới***	***7***		**TS: 07 Ct trong đó 3 CT trường học; 01 CT hỗ trợ bảo tồn; 03 CT điểm du lịch**		**35.178**	**35.178**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**35.178**	**35.178**	**0**	**0**	**12.342**	**12.342**	**0**	**0**		
I	**Sở Du Lịch**	**4**				**14.978**	**14.978**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**14.978**	**14.978**	**0**	**0**	**6.937**	**6.937**	**0**	**0**		
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu thôn Nậm Rịa xã Hợp Thành, TP Lào Cai	Xã Hợp Thành, TP Lào Cai	2023-2024	Xây dựng 01 nhà vệ sinh hợp chuẩn; Cổng chào mang bản sắc địa phương: Cột BTCT ốp đá, mái lợp ngói âm dương trên hệ vì kèo và xà gồ gỗ; Biển chỉ dẫn sơ đồ tuơr du lịch, thùng thu gom rác		1.000	1.000								1.000	1.000			800	800			Sở Du Lịch	
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu thôn Lá Dì Thàng, xã Tả Van Chư, huyện Bắc Hà	Xã Tả Van Chư, huyện Bắc Hà	2023-2024	Xây dựng 01 nhà vệ sinh hợp chuẩn 28m2, Cổng chào mang bản sắc địa phương. ; Biển chỉ dẫn sơ đồ tuơr du lịch; thùng thu gom rác; Xây dựng đường lát đá hộc rộng 2m diện tích 181,5m2		1.000	1.000								1.000	1.000			800	800			Sở Du Lịch	
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu thôn Seng Suí, xã Lùng Thẩn, huyện Si Ma Cai	xã Lùng Thẩn, huyện Si Ma Cai	2023-2024	Xây dựng 01 nhà vệ sinh hợp chuẩn 13,5m2; Lát sân ngắm cảnh bằng đá hộc diện tích 103m2; xây dựng 01chòi ngắm cảnh; Biển chỉ dẫn du lịch và hệ thống lan can an toàn.		1.000	1.000								1.000	1.000			800	800			Sở Du Lịch	
4	Di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà Hoàng A Tưởng huyện Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà	2023-2025	Thay ngói máng, cầu phong ly tô, thoát nước; làm lại nền, trần; Phục hồi các hoa văn và họa tiết, màu sơn tường; hệ thống chiếu sáng, PCCC, an ninh; ngoại thất, biển báo, chỉ dẫn, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh Xây mới dãy nhà sau Dinh làm nơi tái hiện và diễn giải về nghề truyền thống và các mặt hàng lưu niệm, ẩm thực địa phương; Đầu tư trang thiết bị công nghệ thực tế ảo.		11.978	11.978								11.978	11.978			4.537	4537			Sở Du Lịch	

TT	Tên dự án (công trình)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Quyết định đầu tư, quyết toán được duyệt						Lũy kế vốn NSNN đã bố trí đến hết năm 2022				Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025				Dự kiến Kế hoạch nguồn vốn NSNN năm 2023				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó				
						Tổng số	Trong đó:					NSTW	NS tỉnh	NS huyện		Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	Vốn NS huyện		Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	Vốn NS huyện		
							Vốn NSTW	Vốn NS tỉnh	Vốn NS huyện	Huy động khác														
II	**Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai**		3			**20.200**	**20.200**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**20.200**	**20.200**	**0**	**0**	**5.405**	**5.405**	**0**	**0**		
1	Trường PTDT nội trú THCS & THPT huyện Mường Khương, hạng mục: Xây mới 01 nhà công vụ 03 tầng 06 phòng	Thị trấn Mường Khương	2023-2024	Xây mới 01 nhà công vụ 03 tầng 06 phòng ghép vào nhà ký túc xá học sinh	1795 ngày 18/8/2022	2.700	2.700								2.700	2.700			1.400	1.400			Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai	
2	Trường PTDT nội trú THCS & THPT thị xã Sa Pa, hạng mục: Xây mới nhà sinh hoạt văn hóa dân tộc	Thị xã Sa Pa	2023-2024	Xây mới 01 nhà sinh hoạt văn hóa dân tộc, 01 nhà vệ sinh chung	1723 ngày 09/8/2022	3.500	3.500								3.500	3.500			1.800	1.800			Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai	
3	Trường PTDT Nội trú THCS &THPT huyện Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà	2023-2025	Xây 01 nhà 4-5 tầng (9 phòng bộ môn + khu hiệu bộ); hoàn thiện ngoại thất, sân vườn, cổng		14.000	14.000								14.000	14.000			2.205	2.205			Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai	